

Số: 3 2 8 2 /QĐ-CNNL

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc **Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam**

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 09/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam);

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 01/10/2025 và các Nghị định hướng dẫn;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025 và Nghị định hướng dẫn;

Căn cứ Quy chế Quản trị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 5377/QĐ-DKVN ngày 27/7/2024 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (bao gồm các sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 11808/QĐ-CNNL ngày 29/12/2025 của Hội đồng Thành viên Petrovietnam về việc phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị thành viên Tập đoàn;

Căn cứ Quyết định số 11809/QĐ-DKVN ngày 29/12/2025 của Chủ tịch Hội đồng Thành viên Petrovietnam về việc ủy quyền ký ban hành văn bản của Hội đồng Thành viên Petrovietnam;



**QUY CHẾ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ  
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG  
QUỐC GIA VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số <sup>3.282</sup> /QĐ-CNNL ngày 04 / 4 /2026 của  
Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam)

*Handwritten signature*

## MỤC LỤC

Chương I .....	4
<b>QUY ĐỊNH CHUNG .....</b>	<b>4</b>
Điều 1. Mục đích .....	4
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	4
Điều 3. Định nghĩa và các từ viết tắt .....	4
Chương II .....	7
<b>PHÂN CẤP THẨM QUYỀN TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHCN&amp;ĐMST .....</b>	<b>7</b>
Điều 4. Nguyên tắc phân cấp thẩm quyền .....	7
Điều 5. Thẩm quyền của Hội đồng thành viên Petrovietnam .....	7
Điều 6. Thẩm quyền của Tổng Giám đốc Petrovietnam .....	8
Chương III .....	9
<b>BAN CHỈ ĐẠO VÀ CÁC HỘI ĐỒNG KHCN&amp;ĐMST .....</b>	<b>9</b>
Điều 7. Ban Chỉ đạo công tác KHCN, ĐMST&CDS .....	9
Điều 8. Hội đồng KHCN&ĐMST .....	10
Điều 9. Hội đồng nhiệm vụ KHCN&ĐMST .....	10
Điều 10. Hội đồng vinh danh, khen thưởng .....	11
Chương IV .....	12
<b>CHIẾN LƯỢC, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ KHCN&amp;ĐMST .....</b>	<b>12</b>
Điều 11. Chiến lược KHCN&ĐMST .....	12
Điều 12. Chương trình KHCN&ĐMST .....	13
Điều 13. Kế hoạch KHCN&ĐMST hằng năm .....	14
Điều 14. Nhiệm vụ KHCN .....	14
Điều 15. Nhiệm vụ ĐMST .....	16
Điều 16. Cơ chế giao nhiệm vụ cho các đơn vị nghiên cứu khoa học trực thuộc Tập đoàn .....	17
Chương V .....	18
<b>QUẢN LÝ Ý TƯỞNG VÀ SÁNG KIẾN .....</b>	<b>18</b>
Điều 17. Ý tưởng .....	18
Điều 18. Quyền lợi và nghĩa vụ của tác giả ý tưởng .....	18
Điều 19. Sáng kiến .....	19
Điều 20. Quyền lợi và nghĩa vụ của tác giả sáng kiến .....	19
Chương VI .....	20
<b>QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ CÁC NGUỒN KINH PHÍ ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG KHCN&amp;ĐMST .....</b>	<b>20</b>
Điều 21. Nguồn vốn cho hoạt động KHCN&ĐMST .....	20
Điều 22. Trích lập và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ .....	20

Điều 23.	Sử dụng Quỹ phát triển KHCN .....	21
Điều 24.	Chi phí dành cho KHCN&ĐMST .....	25
Chương VII	.....	26
<b>QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KHCN&amp;ĐMST .....</b>		
Mục 1	.....	26
<b>ĐẦU TƯ, MUA SẴM, NHẬN CHUYỂN GIAO TÀI SẢN KHCN&amp;ĐMST.....</b>		
Điều 25.	Hoạt động đầu tư, mua sắm, nhận chuyển giao tài sản KHCN &ĐMST	26
Điều 26.	Phương thức triển khai và quản lý hoạt động đầu tư, mua sắm tài sản KHCN&ĐMST .....	27
Điều 27.	Mua TSTT .....	28
Điều 28.	Hợp tác nghiên cứu và phát triển tài sản KHCN&ĐMST .....	29
Mục 2	.....	29
<b>QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC TSTT.....</b>		
Điều 29.	Phân loại TSTT.....	29
Điều 30.	Quản lý TSTT .....	29
Điều 31.	Khai thác, thương mại hóa TSTT .....	30
Điều 32.	Chuyển giao công nghệ và nhận chuyển giao công nghệ .....	31
Chương VIII	.....	32
<b>CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT, QUẢN LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG KHCN&amp;ĐMST .....</b>		
Điều 33.	Chế độ báo cáo, giám sát hoạt động KHCN&ĐMST.....	32
Điều 34.	Công tác quản lý rủi ro trong hoạt động KHCN&ĐMST .....	33
Điều 35.	Công tác hậu kiểm .....	35
Chương IX	.....	35
<b>PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHCN&amp;ĐMST VÀ VINH DANH, KHEN THƯỞNG .....</b>		
Điều 36.	Đầu mối KHCN .....	35
Điều 37.	Đầu mối TSTT .....	36
Điều 38.	Ban Tài chính Kế toán .....	37
Điều 39.	Các Ban/Văn phòng Petrovietnam.....	37
Điều 40.	Cá nhân, tổ chức sử dụng kinh phí.....	38
Điều 41.	Trách nhiệm của Người đại diện của Tập đoàn tại các đơn vị.....	39
Điều 42.	Vinh danh, khen thưởng và khuyến khích đổi mới sáng tạo.....	39
Chương X	.....	40
<b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>		
Điều 43.	Tổ chức thực hiện .....	40

**QUY CHẾ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG  
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA  
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CNNL ngày / /2026 của Hội đồng  
thành viên Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục đích**

Quy chế này quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KHCN&ĐMST) của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Tập đoàn/Petrovietnam) nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả toàn diện các hoạt động KHCN&ĐMST theo các mục tiêu chiến lược phát triển của Tập đoàn.

**Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quản lý các hoạt động KHCN&ĐMST tại Tập đoàn bao gồm:

- a) Chiến lược phát triển KHCN&ĐMST;
- b) Chương trình KHCN&ĐMST;
- c) Kế hoạch KHCN&ĐMST;
- d) Nhiệm vụ KHCN&ĐMST;
- đ) Ý tưởng, sáng kiến;
- e) Giải thưởng KHCN&ĐMST;
- g) Các nguồn tài chính, quỹ phục vụ hoạt động KHCN&ĐMST;
- h) Đầu tư cho hoạt động KHCN&ĐMST;
- i) Quản lý và khai tài sản trí tuệ;
- k) Các hoạt động khác liên quan đến KHCN&ĐMST.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Bộ máy quản lý điều hành Tập đoàn;
- b) Các đơn vị trực thuộc, doanh nghiệp do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- c) Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại các doanh nghiệp có vốn góp;
- d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động KHCN&ĐMST của Tập đoàn.

**Điều 3. Định nghĩa và các từ viết tắt**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

*Handwritten signature*

1. Ban Chỉ đạo công tác Khoa học Công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số (Ban Chỉ đạo KHCN, ĐMST&CĐS): là tổ chức giúp Hội đồng thành viên Petrovietnam trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phát triển công tác KHCN, ĐMST và chuyển đổi số trong Tập đoàn.

2. Chiến lược KHCN&ĐMST: là văn bản chiến lược cấp Tập đoàn, xác định các quan điểm, mục tiêu, định hướng và giải pháp lớn về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số dài hạn (trên 5 năm).

3. Kế hoạch KHCN&ĐMST hằng năm: là danh mục nhiệm vụ KHCN&ĐMST của Petrovietnam và đơn vị thành viên được ban hành hằng năm.

4. Chương trình KHCN&ĐMST: là tập hợp các Nhiệm vụ KHCN và Nhiệm vụ ĐMST có mục tiêu chung, được triển khai trong trung hạn (3-5 năm) và dài hạn (5-10 năm).

5. Công nghệ chiến lược (CNCL): là công nghệ được ưu tiên đầu tư phát triển và đáp ứng một trong các điều kiện hoặc tạo ra sự phát triển đột phá, phát triển chất lượng cao trong sản xuất kinh doanh hoặc đóng vai trò nền tảng cho phát triển các lĩnh vực, trụ cột trong Tập đoàn hoặc có tầm quan trọng chiến lược đối với việc thực hiện sứ mệnh và định hướng phát triển của Tập đoàn.

6. Danh mục công nghệ chiến lược: là hệ thống các nhóm công nghệ ưu tiên và sản phẩm khoa học công nghệ trọng điểm được Tập đoàn phê duyệt, tập trung nguồn lực nghiên cứu và phát triển để làm chủ công nghệ, bám sát định hướng Chiến lược KHCN&ĐMST của Tập đoàn.

7. Sản phẩm công nghệ chiến lược (SPCNCL): là sản phẩm được hình thành từ CNCL. SPCNCL đáp ứng một trong các điều kiện hoặc có tỷ lệ nội địa hóa cao trong cơ cấu giá trị sản phẩm hoặc đóng góp đáng kể vào tăng trưởng của Tập đoàn hoặc có tác động lan tỏa, tích cực đối với phát triển các lĩnh vực, trụ cột của Tập đoàn.

8. Công trình khoa học công nghệ (Công trình KHCN): là kết quả của quá trình nghiên cứu, sáng tạo, phát triển và ứng dụng các tri thức KHCN.

9. Công trình đổi mới sáng tạo (Công trình ĐMST): là kết quả từ quá trình nghiên cứu và ứng dụng những ý tưởng mới, giải pháp kỹ thuật đột phá nhằm tạo ra giá trị gia tăng cao hơn hoặc giải quyết các vấn đề thực tiễn hiệu quả hơn so với các phương pháp truyền thống.

10. Tài sản trí tuệ (TSTT): là tài sản được hình thành từ hoạt động KHCN&ĐMST hoặc mua, nhận chuyển giao. TSTT được tạo ra từ kinh phí của Petrovietnam về nguyên tắc thuộc quyền sở hữu của Petrovietnam, trừ các trường hợp có thỏa thuận khác.

11. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (Doanh nghiệp KNST): là doanh nghiệp được thành lập để phát triển và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ dựa trên nền tảng TSTT hoặc ý tưởng kinh doanh đột phá của Tập đoàn, có tiềm năng tăng trưởng nhanh.

12. Dự án khởi nghiệp sáng tạo (Dự án KNST): là dự án hình thành, phát triển mô hình kinh doanh sáng tạo thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác TSTT, công nghệ, hoặc mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

13. Ý tưởng: là những đề xuất, giải pháp mới mang tính sáng tạo, có khả năng ứng dụng và mang lại lợi ích cho hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý, điều hành của Tập đoàn.

14. Sáng kiến: là giải pháp kỹ thuật, quản lý, tác nghiệp có tính mới trong phạm vi đơn vị hoặc toàn Tập đoàn, đã được áp dụng hoặc thử nghiệm và mang lại lợi ích thiết thực, có thể định lượng hoặc chứng minh được về mặt kinh tế, kỹ thuật, xã hội.

15. Dự án đầu tư KHCN&ĐMST: là tập hợp các đề xuất bỏ vốn trung hạn hoặc dài hạn để xây dựng hạ tầng, mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dụng và các tài sản trí tuệ phục vụ mục tiêu phát triển KHCN&ĐMST theo quy định quản lý đầu tư hiện hành.

16. Hội đồng KHCN&ĐMST: là tổ chức tư vấn cao cấp cho Lãnh đạo Tập đoàn về chiến lược, định hướng và chính sách phát triển KHCN&ĐMST.

17. Hội đồng Nhiệm vụ KHCN&ĐMST: là Hội đồng chuyên môn chịu trách nhiệm tư vấn cho Tổng Giám đốc Petrovietnam trong toàn bộ quá trình quản lý các nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

18. Hội đồng Vinh danh và Khen thưởng: là Hội đồng chuyên môn chịu trách nhiệm tư vấn cho Tổng Giám đốc Petrovietnam trong toàn bộ quá trình vinh danh và khen thưởng các hoạt động KHCN&ĐMST.

19. Nhiệm vụ KHCN: là hình thức tổ chức công việc để giải quyết các vấn đề về KHCN, tập trung vào việc tạo ra tri thức mới, bao gồm các hoạt động từ nghiên cứu chuyên sâu, ứng dụng công nghệ đến tư vấn, giải quyết các vấn đề kỹ thuật phát sinh.

20. Nhiệm vụ ĐMST: là hình thức tổ chức công việc để tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh mới hoặc cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, quy trình, mô hình kinh doanh đã có.

21. Chuyển giao công nghệ (CGCN): là chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.

22. Rủi ro được chấp nhận trong hoạt động KHCN&ĐMST: là các rủi ro không lường trước được, phát sinh từ bản chất của vấn đề nghiên cứu hoặc từ môi trường bên ngoài, mặc dù tổ chức, cá nhân đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định và không có hành vi gian lận, cố ý vi phạm, theo quy định pháp luật về KHCN&ĐMST.

23. Nền tảng số quản lý KHCN&ĐMST của Tập đoàn: hệ thống thông tin tích hợp được Petrovietnam xây dựng và vận hành để quản lý toàn diện vòng đời các hoạt động KHCN&ĐMST, từ đề xuất, thẩm định, phê duyệt, triển khai, giám sát, đánh giá, nghiệm thu đến quản lý kết quả, TSTT và báo cáo.

24. Tiểu ban chuyên môn: bộ phận giúp việc chuyên sâu của Hội đồng KHCN&ĐMST Tập đoàn theo từng lĩnh vực.

25. Đầu mối quản lý công tác KHCN&ĐMST (Đầu mối KHCN): Ban chuyên môn được Petrovietnam giao nhiệm vụ quản lý hoạt động KHCN&ĐMST.

26. Đầu mối quản lý và khai thác TSTT (Đầu mối TSTT): là đơn vị trực thuộc Petrovietnam được Petrovietnam giao nhiệm vụ quản lý và khai thác TSTT.

27. Đơn vị: là các đơn vị trực thuộc Petrovietnam theo quy định và các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp Petrovietnam.

## **Chương II**

### **PHÂN CẤP THẨM QUYỀN TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHCN&ĐMST**

#### **Điều 4. Nguyên tắc phân cấp thẩm quyền**

1. Hội đồng thành viên Petrovietnam (HĐTV) phân cấp cho Tổng Giám đốc Petrovietnam (TGD) thực hiện một số quyền hạn và trách nhiệm của HĐTV theo quy định tại Quy định này.

2. Người được phân cấp quyết định đồng thời có thẩm quyền quyết định điều chỉnh đối với nội dung được phân cấp.

3. Quy định về phân cấp, ủy quyền lại

a) TGD được phân cấp lại cho các Phó TGD hoặc ủy quyền cho các đối tượng khác là cá nhân/tổ chức thực hiện quyền của TGD theo quy định tại Quy chế này.

b) Khi thực hiện phân cấp, ủy quyền lại, TGD có trách nhiệm tổ chức kiểm tra giám sát thường xuyên việc thực hiện phân cấp, ủy quyền lại để đảm bảo việc phân cấp, ủy quyền lại tuân thủ quy định pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐTV về các quyết định của Người được TGD phân cấp ủy quyền lại.

#### **Điều 5. Thẩm quyền của Hội đồng thành viên Petrovietnam**

Hội đồng thành viên Petrovietnam quyết định các vấn đề sau:

1. Phê duyệt Chiến lược KHCN&ĐMST của Petrovietnam;
2. Ban hành Danh mục công nghệ chiến lược của Petrovietnam;
3. Phê duyệt Chương trình KHCN&ĐMST của Petrovietnam;
4. Phê duyệt kế hoạch trích lập và sử dụng Quỹ Phát triển KHCN hằng năm;
5. Quyết định thành lập Hội đồng KHCN&ĐMST;
6. Đối với việc đầu tư vào hoạt động KHCN&ĐMST của Petrovietnam:

a) Mua lại doanh nghiệp, sáp nhập doanh nghiệp để sở hữu bí quyết công nghệ: Thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý hoạt động mua bán – sáp nhập doanh nghiệp (M&A) của Tập đoàn.

b) Đầu tư vào dự án khởi nghiệp sáng tạo và thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: Thực hiện theo quy định tại Quy chế Khuyến khích khởi nghiệp trong doanh nghiệp của Tập đoàn.

c) Đầu tư dự án KHCN&ĐMST của Petrovietnam: Thực hiện theo quy định tại Quy chế phân cấp và giám sát đầu tư của Petrovietnam.

d) Sử dụng TSTT và kết quả hoạt động KHCN&ĐMST để góp vốn vào dự án đầu tư hoặc doanh nghiệp khác: thực hiện theo Quy định về phân cấp đầu tư và Quy định về quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác của Petrovietnam.

7. Quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo KHCN, ĐMST và CDS Tập đoàn.

## **Điều 6. Thẩm quyền của Tổng Giám đốc Petrovietnam**

Tổng Giám đốc Petrovietnam có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau:

1. Chỉ đạo xây dựng và trình HĐQT những nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT quy định tại Điều 5 quy chế này;

2. Chỉ đạo tổ chức triển khai các nội dung được HĐQT phê duyệt tại Điều 5 Quy chế này;

3. Quyết định phê duyệt Kế hoạch KHCN&ĐMST hằng năm;

4. Quyết định mua sắm thường xuyên cho công tác KHCN&ĐMST theo Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Petrovietnam;

5. Quyết định việc phương án mua; phương án sử dụng và khai thác TSTT bao gồm: cho thuê, bán, chuyển giao/chuyển nhượng quyền sử dụng.

6. Quyết định phương án phân chia lợi ích từ việc khai thác TSTT;

7. Quyết định thành lập và ban hành tiêu chí, quy trình hoạt động của Hội đồng Nhiệm vụ KHCN&ĐMST, Hội đồng Vinh danh và khen thưởng;

8. Quyết định phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Hội đồng nhiệm vụ KHCN&ĐMST:

a) Kết quả xét chọn, tuyển chọn các nhiệm vụ KHCN&ĐMST;

b) Áp dụng hình thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần theo nội dung nghiên cứu; khoán sản phẩm... theo quy định của pháp luật;

c) Ký kết hợp đồng với cá nhân, tổ chức chủ trì để triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST;

d) Phương án "Tiếp tục", "Thay đổi" hay "Dừng lại" nhiệm vụ KHCN&ĐMST;

e) Nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

9. Phê duyệt chủ trương và quyết định tài trợ cho Nhiệm vụ KHCN&ĐMST do cá nhân, tổ chức đề nghị hoặc phê duyệt chủ trương tài trợ theo gói;

*Handwritten signature*

10. Quyết định phê duyệt công nhận ý tưởng, sáng kiến, quyết định khen thưởng, tặng Giải thưởng cấp Tập đoàn và gửi văn bản đề nghị xét tặng giải thưởng cấp cao hơn trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Vinh danh và Khen thưởng;

11. Ban hành các tiêu chí, định mức và quy trình hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

### **Chương III**

## **BAN CHỈ ĐẠO VÀ CÁC HỘI ĐỒNG KHCN&ĐMST**

### **Điều 7. Ban Chỉ đạo công tác KHCN, ĐMST&CĐS**

1. Chức năng, nhiệm vụ

a) Chức năng:

b) Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm trước Đảng ủy Tập đoàn, HĐTV trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ và giải pháp phát triển công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Tập đoàn.

c) Nhiệm vụ:

- Chỉ đạo việc quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, định hướng, kết luận và chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và HĐTV về công tác KHCN, ĐMST&CĐS.

- Nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, định hướng chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và các giải pháp đột phá nhằm thúc đẩy sự phát triển KHCN, ĐMST & CDS trong toàn Tập đoàn.

- Rà soát, kiến nghị các cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách pháp luật và quy định nội bộ nhằm tháo gỡ các rào cản, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ.

- Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Kết luận của Đảng ủy Tập đoàn, các Nghị quyết/Quyết định của HĐTV về KHCN, ĐMST & CDS.

2. Cơ cấu tổ chức

- Trưởng Ban chỉ đạo là Chủ tịch HĐTV; Phó Trưởng Ban thường trực là Tổng Giám đốc; các Phó Trưởng Ban gồm: các Thành viên HĐTV, các Phó TGĐ phụ trách công tác KHCN, ĐMST&CĐS và Trưởng ban Đầu mối KHCN Tập đoàn.

- Các Thành viên gồm: Lãnh đạo các Ban/Văn phòng Tập đoàn và Chủ tịch/Tổng Giám đốc các đơn vị chủ chốt

- Tổ giúp việc Ban chỉ đạo: Đại diện Đầu mối KHCN và phụ trách công tác KHCN, ĐMST&CĐS tại đơn vị.

3. Phương thức hoạt động

- Ban chỉ đạo hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể thảo luận, Trưởng ban (hoặc Phó Trưởng ban được ủy quyền) kết luận và chỉ đạo.

- Chế độ hội họp: Họp định kỳ hàng Quý hoặc đột xuất.

*hanh*

## **Điều 8. Hội đồng KHCN&ĐMST**

### 1. Chức năng, nhiệm vụ

a) Hội đồng KHCN&ĐMST có chức năng tư vấn cho HĐQT, Tổng Giám đốc Petrovietnam về phát triển KHCN & ĐMST, công tác quản lý hoạt động KHCN&ĐMST, các căn cứ kinh tế kỹ thuật nhằm đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn đạt hiệu quả.

b) Hội đồng KHCN&ĐMST có nhiệm vụ tư vấn cho HĐQT và TGD về các vấn đề:

- Định hướng chiến lược phát triển KHCN&ĐMST của Tập đoàn.
- Luận chứng khoa học cho các kế hoạch, chương trình nghiên cứu KHCN&ĐMST.
- Hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước về KHCN&ĐMST.
- Quy hoạch tiềm lực và nâng cao năng lực KHCN&ĐMST.
- Khen thưởng các sáng kiến hiệu quả, xét phong tặng chức danh khoa học và xử lý các vi phạm trong hoạt động KHCN&ĐMST.
- Các hoạt động khác trong lĩnh vực KHCN&ĐMST của Petrovietnam khi HĐQT, TGD yêu cầu.

### 2. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng KHCN&ĐMST bao gồm:

a) Thường trực Hội đồng KHCN&ĐMST gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực, Tổng thư ký và các Trưởng tiểu ban;

b) Các Tiểu ban thuộc Hội đồng KHCN&ĐMST gồm: Trưởng Tiểu ban, Phó trưởng Tiểu ban, Thư ký và các Ủy viên Tiểu ban; cơ cấu và số lượng ủy viên do thường trực Hội đồng KHCN&ĐMST quyết định.

### 3. Chế độ làm việc

a) Nhiệm kỳ của Hội đồng KHCN&ĐMST và các Tiểu ban là 03 năm.

b) Hội đồng KHCN&ĐMST làm việc theo nguyên tắc tập thể thông qua các kỳ họp định kỳ hoặc đột xuất, thực hiện thảo luận và biểu quyết để thông qua các quyết định theo đa số (ít nhất 2/3 thành viên dự họp và trên 1/2 tổng số ủy viên chấp thuận).

## **Điều 9. Hội đồng nhiệm vụ KHCN&ĐMST**

### 1. Chức năng, nhiệm vụ

a) Chức năng: Là tổ chức tư vấn chuyên môn giúp Tổng Giám đốc thẩm định và quản lý các nhiệm vụ KHCN&ĐMST của Tập đoàn.

b) Nhiệm vụ:

- Xét chọn/tuyển chọn, thẩm định và kiến nghị phê duyệt các nhiệm vụ đủ điều kiện triển khai.
- Cố vấn, giám sát chuyên môn và đánh giá hiệu quả theo từng giai đoạn thực hiện.
- Tư vấn điều chỉnh mục tiêu hoặc dừng nhiệm vụ nếu không khả thi.

- Thẩm định kết quả cuối cùng để làm căn cứ nghiệm thu, quyết toán.
- 2. Cơ cấu tổ chức
  - Lãnh đạo: Gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Thư ký Hội đồng theo từng lĩnh vực chuyên môn.
  - Thành viên: Các chuyên gia, nhà khoa học có trình độ phù hợp, am hiểu lĩnh vực nhiệm vụ.
  - Nguyên tắc: Đảm bảo tính khách quan, trung thực và không có xung đột lợi ích.
  - Bộ phận giúp việc: Đầu mỗi KHCN làm đầu mỗi chuẩn bị hồ sơ và điều phối hoạt động.
- 3. Phương thức hoạt động
  - Nguyên tắc: Làm việc tập thể, thảo luận dân chủ; Chủ tịch Hội đồng kết luận trên cơ sở biểu quyết của các thành viên.
  - Hình thức: Họp trực tiếp, trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 10. Hội đồng vinh danh, khen thưởng**

1. Chức năng, nhiệm vụ
  - a) Chức năng: Là tổ chức tư vấn chuyên môn giúp Tổng Giám đốc trong việc xét duyệt, vinh danh và khen thưởng các thành tích xuất sắc, các giải pháp sáng kiến, kết quả nghiên cứu khoa học và các ý tưởng sáng tạo tiềm năng trong phạm vi Tập đoàn.
  - b) Nhiệm vụ :
    - Tư vấn xây dựng phương hướng phát triển hoạt động ý tưởng, sáng kiến và phong trào đổi mới sáng tạo trong toàn hệ thống.
    - Thẩm định tính xác thực, hiệu quả thực tế, giá trị khoa học đột phá và giá trị làm lợi của các ý tưởng, sáng kiến, công trình và dự án KHCN&ĐMST.
    - Tổ chức xét duyệt, lựa chọn và đề nghị công nhận các danh hiệu vinh danh, mức khen thưởng kịp thời và đề xuất mức chi trả thù lao/phân chia lợi nhuận phù hợp cho tác giả, đồng tác giả.
    - Đề xuất lựa chọn các công trình tiêu biểu đạt Giải thưởng KHCN&ĐMST Tập đoàn để trình cấp cấp cao hơn xét tặng các giải thưởng Nhà nước.
    - Tham gia rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về tiêu chuẩn xét tặng giải thưởng và chế độ khuyến khích đổi mới sáng tạo.
2. Cơ cấu tổ chức
  - Hội đồng bao gồm đại diện Lãnh đạo Petrovietnam, lãnh đạo các Ban chuyên môn, Văn phòng và các chuyên gia tư vấn có uy tín (trong hoặc ngoài Tập đoàn).
  - Thành phần, số lượng và cơ cấu thành viên do Tổng Giám đốc quyết định phù hợp với đặc thù của từng đợt xét khen thưởng hoặc lĩnh vực chuyên môn của đối tượng được vinh danh.



3. Phương thức hoạt động
  - Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận công khai và biểu quyết theo đa số. Các quyết định của Hội đồng chỉ có giá trị khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham gia.
  - Thành viên Hội đồng có trách nhiệm đánh giá khách quan, trung thực và bảo mật thông tin hồ sơ. Thành viên không tham gia thảo luận hoặc biểu quyết đối với hồ sơ mà mình là tác giả, đồng tác giả hoặc có quyền lợi liên quan trực tiếp.
  - Hội đồng tổ chức họp định kỳ (theo chu kỳ xét giải) hoặc đột xuất dưới hình thức họp trực tiếp, trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

## **Chương IV**

### **CHIẾN LƯỢC, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ KHCN&ĐMST**

#### **Điều 11. Chiến lược KHCN&ĐMST**

1. Chiến lược KHCN&ĐMST được xây dựng phù hợp với Chiến lược phát triển của Tập đoàn và trên cơ sở:

- a) Đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược KHCN&ĐMST giai đoạn trước;
- b) Dự báo xu hướng KHCN&ĐMST trong nước, quốc tế, đặc biệt là công nghệ mới, công nghệ chiến lược có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn;
- c) Đánh giá hiện trạng năng lực, hạ tầng kỹ thuật và nguồn lực (nhân lực, tài chính) về KHCN&ĐMST của Tập đoàn và các đơn vị;
- d) Bám sát các định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, các quy định pháp luật hiện hành và cam kết quốc tế về chuyển dịch năng lượng, phát triển bền vững.

2. Nội dung chính của Chiến lược KHCN&ĐMST bao gồm:

- a) Quan điểm phát triển;
- b) Mục tiêu phát triển, bao gồm: Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể;
- c) Định hướng phát triển;
- d) Nhiệm vụ và giải pháp;
- đ) Tổ chức thực hiện.

3. Trên cơ sở Chiến lược KHCN&ĐMST được phê duyệt, TGD xây dựng danh mục công nghệ chiến lược cho từng giai đoạn trình HĐQT xem xét, phê duyệt.

4. Trong quá trình triển khai, TGD chỉ đạo thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ hoặc kiểm tra/giám sát về tiến độ và hiệu quả thực hiện Chiến lược, danh mục CNCL. Việc đánh giá này nhằm xác định mức độ phù hợp của các mục tiêu, định hướng hiện tại trước những thay đổi từ môi trường kinh doanh, ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế - công nghệ bên ngoài và các chỉ đạo mới từ cấp có thẩm quyền.

Trên cơ sở kết quả rà soát và đánh giá, TGD báo cáo và kiến nghị HĐQT xem xét, quyết định điều chỉnh Chiến lược KHCN&ĐMST, danh mục CNCL trong các trường hợp sau:

- a) Căn cứ tình hình thực tiễn và các yêu cầu trong định hướng quản trị, điều hành của Tập đoàn tại từng thời điểm nhằm đảm bảo tính tương thích với mục tiêu phát triển trong giai đoạn mới.
- b) Khi xuất hiện các đột phá về công nghệ có tác động căn bản, có khả năng thay thế hoặc làm thay đổi hoàn toàn các công nghệ chiến lược hiện tại.
- c) Khi kết quả giám sát và đánh giá thực tế cho thấy các chỉ tiêu hiện tại không còn khả thi hoặc cần được tối ưu hóa để đạt hiệu quả cao hơn.

## **Điều 12. Chương trình KHCN&ĐMST**

1. Các Chương trình KHCN&ĐMST được xây dựng phù hợp với Chiến lược KHCN&ĐMST của Tập đoàn và tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

- a) Có mục tiêu cụ thể, định lượng được kết quả đầu ra và hiệu quả đầu tư; bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá;
- b) Ưu tiên xây dựng các Chương trình KHCN&ĐMST để thực hiện Danh mục các sản phẩm CNCL của Tập đoàn;
- c) Khuyến khích sự tham gia chủ động của các đơn vị; thúc đẩy hình thành và phát triển hệ sinh thái ĐMST Tập đoàn; tăng cường khả năng thương mại hóa kết quả nghiên cứu;
- d) Khuyến khích lồng ghép, phối hợp với các chương trình, dự án bên ngoài phù hợp với lĩnh vực hoạt động và phục vụ cho mục tiêu chiến lược của Tập đoàn để tối ưu hóa nguồn lực.

2. Nội dung chính của Chương trình KHCN&ĐMST bao gồm:

Chương trình KHCN&ĐMST được phê duyệt phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mục tiêu chương trình;
- b) Nội dung và phạm vi triển khai;
- c) Yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá;
- d) Kết quả, hiệu quả và tác động của chương trình;
- đ) Cá nhân, tổ chức chủ trì tổ chức thực hiện và các cá nhân, tổ chức phối hợp;
- e) Thời gian thực hiện;
- g) Dự kiến tổng kinh phí thực hiện, cơ cấu nguồn vốn (ngân sách Nhà nước, Petrovietnam, đơn vị,...);
- h) Các điều kiện bảo đảm tổ chức thực hiện, cơ chế điều phối, theo dõi và đánh giá.

### **Điều 13. Kế hoạch KHCN&ĐMST hằng năm**

1. Kế hoạch KHCN&ĐMST được lập hằng năm phù hợp với Chiến lược phát triển KHCN&ĐMST, Chương trình KHCN&ĐMST, Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm của Petrovietnam và trên cơ sở:

- a) Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch KHCN&ĐMST năm trước và các nhiệm vụ chuyên tiếp;
- b) Danh mục các Sản phẩm CNCL của Tập đoàn;
- c) Tổng hợp nhu cầu đặt hàng của các Ban chuyên môn nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách, trọng điểm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn;
- d) Tổng hợp các đề xuất, sáng kiến từ các đơn vị và các bên có liên quan nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ và cải tiến quy trình;
- đ) Kết quả xét duyệt, thẩm định của Hội đồng nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

2. Nội dung chính của Kế hoạch KHCN&ĐMST hằng năm bao gồm:

- a) Tên các Nhiệm vụ ĐMST và Nhiệm vụ KHCN thực hiện trong năm;
- b) Mục tiêu cụ thể của từng nhiệm vụ;
- c) Nội dung nghiên cứu;
- d) Kết quả/sản phẩm dự kiến và các tiêu chí đánh giá (nếu có);
- đ) Phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc xét chọn/giao trực tiếp và phương thức khác...);
- e) Ban đặt hàng (nếu có).

3. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch KHCN&ĐMST được thực hiện trong các trường hợp:

- a) Có sự thay đổi hoặc điều chỉnh về Chiến lược KHCN&ĐMST, Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm của Tập đoàn ảnh hưởng trực tiếp đến các mục tiêu KHCN&ĐMST;
- b) Xuất hiện các yêu cầu cấp bách, đột xuất từ thực tiễn sản xuất kinh doanh hoặc các chỉ đạo mới HĐTV;
- c) Kết quả đánh giá trong kỳ cho thấy nhiệm vụ không còn phù hợp, không khả thi về mặt kỹ thuật/kinh tế hoặc xuất hiện các đột phá công nghệ mới có khả năng thay thế hiệu quả hơn;
- d) Thay đổi về nguồn kinh phí, định mức tài chính hoặc các quy định pháp luật hiện hành có tác động trọng yếu đến việc triển khai danh mục nhiệm vụ;
- đ) Theo đề xuất của Ban chuyên môn hoặc đơn vị sau khi đã được Hội đồng nhiệm vụ KHCN&ĐMST thẩm định và thông qua.

### **Điều 14. Nhiệm vụ KHCN**

1. Các loại hình và sản phẩm nhiệm vụ KHCN

- a) Sản phẩm đầu ra của nhiệm vụ KHCN: Kết quả của nhiệm vụ KHCN phải được định hình thông qua các hình thức cụ thể nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và

sản xuất kinh doanh, bao gồm: các công bố khoa học, báo cáo phân tích/tư vấn, cơ sở dữ liệu, nguyên lý công nghệ, mô hình lý thuyết, giải pháp kỹ thuật; luận cứ khoa học; kết quả khảo sát hoặc các quy trình kỹ thuật chuyên sâu.

b) Phân loại nhiệm vụ KHCN bao gồm: (i) Nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản; (ii) Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng; (iii) Nhiệm vụ phát triển công nghệ.

c) Các hình thức thực hiện nhiệm vụ KHCN, bao gồm: (i) Nhiệm vụ KHCN đặt hàng; (ii) Nhiệm vụ KHCN hợp tác; (iii) Nhiệm vụ KHCN tài trợ; (iv) Nhiệm vụ KHCN tài trợ theo gói.

## 2. Tiêu chí đối với nhiệm vụ KHCN:

a) Có mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, đảm bảo tính khả thi về nội dung và phương pháp thực hiện; có dự kiến về hiệu quả kinh tế hoặc lợi ích mang lại (bao gồm xác suất thành công); các nhiệm vụ phải hướng tới ứng dụng, phát triển công nghệ mới và có phương án thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ;

b) Phù hợp với định hướng ưu tiên và yêu cầu nêu trong thông báo tuyển chọn, xét chọn hoặc đặt hàng nhiệm vụ của Petrovietnam;

c) Cá nhân, tổ chức chủ trì có năng lực phù hợp, bảo đảm triển khai nhiệm vụ đúng tiến độ, chất lượng;

d) Không trùng lặp với nhiệm vụ đã và đang triển khai ở cấp bộ, ngành, địa phương, cấp quốc gia hoặc cấp Tập đoàn;

đ) Hồ sơ đề xuất nhiệm vụ được trình bày đầy đủ, rõ ràng, nêu rõ mục tiêu, nội dung nghiên cứu, phương án triển khai, dự kiến kết quả đầu ra và kế hoạch tài chính. Hồ sơ đề xuất phải xác định, phân tích các loại rủi ro có thể phát sinh và đề xuất biện pháp quản lý, kiểm soát rủi ro theo quy định của pháp luật;

e) Có khả năng ứng dụng, chuyển giao hoặc tác động tích cực đến phát triển sản xuất kinh doanh của Petrovietnam/đơn vị hoặc nâng cao năng lực KHCN Petrovietnam/đơn vị;

g) Phù hợp với các tiêu chí đối với từng loại hình nhiệm vụ KHCN theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ KHCN được quản lý theo quy trình thống nhất, cấu trúc rõ ràng nhằm bảo đảm chất lượng, tiến độ và hiệu quả kinh phí. Việc thực hiện tuân thủ các nguyên tắc về minh bạch, xác định rõ mục tiêu sản phẩm, quy trình thiết lập cơ chế giám sát chặt chẽ và chấp nhận rủi ro.

a) Quá trình thực hiện được theo dõi, kiểm tra và đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo việc triển khai tuân thủ đúng nội dung và tiến độ đã cam kết trong Thuyết minh và văn bản giao nhiệm vụ. Việc đánh giá định kỳ là cơ sở để quyết định cấp tiếp kinh phí hoặc dừng thực hiện nếu không đạt hiệu quả, tránh lãng phí.

b) Trong trường hợp nhiệm vụ phải dừng hoặc không hoàn thành, việc xử lý được thực hiện trên cơ sở đánh giá nguyên nhân khách quan, chủ quan, rủi ro được chấp nhận để xác định trách nhiệm và xử lý về tài chính, tài sản theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

4. Tổng Giám đốc ban hành quy định chi tiết tiêu chí và hướng dẫn thực hiện cho từng loại hình nhiệm vụ cụ thể.

### **Điều 15. Nhiệm vụ ĐMST**

#### 1. Các loại hình và sản phẩm nhiệm vụ ĐMST

a) Sản phẩm đầu ra của nhiệm vụ ĐMST: là sản phẩm mẫu, quy trình công nghệ hoàn thiện hoặc giải pháp được thị trường chấp nhận.

b) Phân loại nhiệm vụ ĐMST, bao gồm: (i) nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ; (ii) nhiệm vụ ĐMST đổi mới công nghệ; (iii) nhiệm vụ ĐMST phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; (iv) nhiệm vụ ĐMST hỗ trợ KNST.

c) Các hình thức thực hiện nhiệm vụ ĐMST, bao gồm: (i) Nhiệm vụ ĐMST tài trợ; (ii) Nhiệm vụ ĐMST đặt hàng.

#### 2. Tiêu chí đối với nhiệm vụ ĐMST:

a) Tính khả thi về mục tiêu, nội dung, phương pháp, kế hoạch tổ chức thực hiện, thời gian và tổng mức kinh phí; có dự kiến về hiệu quả kinh tế hoặc lợi ích mang lại (bao gồm xác suất thành công); phải xác định rõ mục tiêu ứng dụng thực tiễn, làm chủ công nghệ mới hoặc tạo ra sản phẩm/dịch vụ có khả năng thương mại hóa;

b) Hồ sơ đề xuất đầy đủ, rõ ràng, xác định cụ thể mục tiêu, nội dung, phương án triển khai, kết quả đầu ra dự kiến, kế hoạch tài chính và cơ cấu nguồn vốn (bao gồm vốn đối ứng, nếu có). Hồ sơ đề xuất phải xác định, phân tích các loại rủi ro có thể phát sinh và đề xuất biện pháp quản lý, kiểm soát rủi ro theo quy định của pháp luật;

c) Không phải là hoạt động mua sắm, bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa lớn hoặc các nhiệm vụ kỹ thuật thông thường không có yếu tố đổi mới về công nghệ, quản lý;

d) Khả năng ứng dụng trực tiếp và tác động, tạo hiệu quả kinh tế hoặc giải quyết khó khăn của Petrovietnam/đơn vị, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;

đ) Phù hợp với yêu cầu nêu trong thông báo của Petrovietnam;

e) Bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn, môi trường và pháp luật có liên quan;

g) Tổ chức đề xuất phải có đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, tài chính và phương án tổ chức thực hiện khả thi;

h) Phù hợp với các tiêu chí đối với từng loại hình nhiệm vụ ĐMST theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ ĐMST được quản lý theo phương thức linh hoạt, phân kỳ theo từng giai đoạn nhằm tối đa hóa khả năng thành công, giảm thiểu rủi ro và thích ứng với các thay đổi trong quá trình thực hiện.

a) Cho phép dừng nhiệm vụ KHCN ở bất kỳ giai đoạn nào nếu kết quả đánh giá cho thấy không còn khả thi hoặc gặp rủi ro được chấp nhận không thể khắc phục. Các quyết định "Tiếp tục", "Thay đổi" hay "Dừng lại" nhiệm vụ sau mỗi giai đoạn phải dựa trên kết quả thực tế, dữ liệu kiểm chứng thị trường và đánh giá khách quan của Hội đồng nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

b) Trường hợp nhiệm vụ bị dừng theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đơn vị chủ trì có trách nhiệm thực hiện kiểm kê, đánh giá khối lượng công việc đã hoàn thành và xác định nguyên nhân dừng (khách quan/chủ quan); thực hiện thủ tục thanh quyết toán khối lượng đã hoàn thành hoặc xử lý thu hồi kinh phí và xem xét trách nhiệm theo quy định của Tập đoàn.

4. Đối với các nhiệm vụ ĐMST có tính đột phá cao, thử nghiệm công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới mà khung pháp lý chưa có quy định rõ ràng, cá nhân, tổ chức chủ trì có thể đề xuất triển khai theo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát theo quy định của pháp luật.

5. Tổng Giám đốc ban hành quy định chi tiết tiêu chí và hướng dẫn thực hiện cho từng loại hình nhiệm vụ cụ thể.

#### **Điều 16. Cơ chế giao nhiệm vụ cho các đơn vị nghiên cứu khoa học trực thuộc Tập đoàn**

1. Tập đoàn giao trực tiếp đối với các nhiệm vụ KHCN&ĐMST cho các đơn vị nghiên cứu khoa học trực thuộc Tập đoàn khi nội dung nhiệm vụ phù hợp với năng lực cốt lõi và định hướng phát triển của các đơn vị.

2. Điều kiện để được hưởng quyền ưu tiên

Để được xem xét ưu tiên giao nhiệm vụ, đơn vị nghiên cứu khoa học trực thuộc Tập đoàn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Kết quả hậu kiểm đối với các nhiệm vụ đã thực hiện trong 03 năm gần nhất ở mức "Đạt" trở lên.

b) Kết quả của nhiệm vụ KHCN&ĐMST đã ứng dụng vào hoạt động của Tập đoàn; hoặc sản phẩm KHCN&ĐMST có giá trị thực tiễn, đã được nghiệm thu, công bố, hoặc đăng ký sở hữu trí tuệ, hoặc thương mại hóa theo quy định.

c) Đội ngũ chủ trì nhiệm vụ và hệ thống thiết bị kỹ thuật phải phù hợp và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đặc thù, tiến độ và tính cấp thiết của nhiệm vụ mới.

3. Cơ chế hỗ trợ và kiểm soát

a) Các đơn vị đủ điều kiện tại khoản 2 Điều này sẽ được Tập đoàn giao thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST theo phương thức xét chọn với các tiêu chí do Tổng Giám đốc quy định.

b) Khuyến khích các đơn vị nghiên cứu khoa học và đào tạo phối hợp với các đơn vị sản xuất kinh doanh trong Tập đoàn để hình thành chuỗi giá trị từ nghiên cứu đến ứng dụng thực tế và thương mại hóa.

c) Trường hợp đơn vị được ưu tiên nhưng thực hiện nhiệm vụ không đảm bảo tiến độ hoặc chất lượng do lỗi chủ quan, Tập đoàn sẽ tạm dừng quyền ưu tiên giao trực tiếp trong thời hạn từ 02 năm tiếp theo.

## **Chương V**

### **QUẢN LÝ Ý TƯỞNG VÀ SÁNG KIẾN**

#### **Điều 17. Ý tưởng**

Một đề xuất được xem xét là ý tưởng khi đáp ứng các điều kiện cơ bản sau:

1. Có tính mới, sáng tạo: đề xuất giải pháp chưa được áp dụng hoặc thể hiện một cách tiếp cận mới trong phạm vi toàn Tập đoàn;
2. Có khả năng ứng dụng: giải pháp có tính khả thi để triển khai trong thực tế hoạt động của Tập đoàn;
3. Có tiềm năng mang lại lợi ích: giải pháp hứa hẹn mang lại hiệu quả về kinh tế, kỹ thuật, quản lý, an toàn hoặc các lợi ích khác cho Tập đoàn;
4. Phù hợp với định hướng phát triển: Ý tưởng phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Tập đoàn và các đơn vị.
5. Các ý tưởng được khuyến khích đề xuất và được Đầu mối KHCN tổng hợp, tổ chức đánh giá sơ bộ để xem xét phát triển thành nhiệm vụ KHCN, nhiệm vụ ĐMST hoặc chuyển giao cho các đơn vị áp dụng thử nghiệm.

#### **Điều 18. Quyền lợi và nghĩa vụ của tác giả ý tưởng**

1. Quyền lợi của tác giả ý tưởng
  - a) Được Petrovietnam/đơn vị ghi nhận và có hình thức khen thưởng khi ý tưởng được đánh giá có tiềm năng;
  - b) Được ưu tiên xem xét tham gia vào quá trình phát triển ý tưởng thành nhiệm vụ KHCN, nhiệm vụ ĐMST hoặc sáng kiến;
  - c) Được ghi nhận là tác giả hoặc đồng tác giả và hưởng quyền lợi tương ứng nếu ý tưởng được phát triển thành sáng kiến, giải pháp được bảo hộ SHTT hoặc sản phẩm thương mại hóa khác;
  - d) Được ưu tiên xem xét trong việc nâng lương, đào tạo nâng cao trình độ, các chế độ phúc lợi khác và khen thưởng, phong tặng các danh hiệu vinh dự;
  - đ) Thương ý tưởng tiềm năng được công nhận. Mức thưởng cụ thể do TGD quyết định theo quy định của Petrovietnam.
2. Nghĩa vụ của tác giả ý tưởng

- a) Trình bày, làm rõ và cung cấp các thông tin cần thiết về ý tưởng khi được yêu cầu;
- b) Hợp tác với các cá nhân, tổ chức liên quan trong quá trình đánh giá và phát triển ý tưởng;
- c) Tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin của Tập đoàn và pháp luật.

### **Điều 19. Sáng kiến**

1. Một giải pháp được công nhận là sáng kiến khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Có tính mới so với trình độ công nghệ, kỹ thuật, quản lý của Tập đoàn;
- b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại Petrovietnam hoặc các đơn vị;
- c) Mang lại lợi ích kinh tế trong năm đầu áp dụng từ 05 (năm) tỷ đồng trở lên hoặc mang lại lợi ích xã hội lớn (giúp cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao an toàn lao động, bảo vệ môi trường, có tác động tích cực đến cộng đồng hoặc nâng cao uy tín, thương hiệu của Tập đoàn), có tiềm năng áp dụng rộng trong toàn Tập đoàn và không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và xã hội;
- d) Không phải là đối tượng đang được bảo hộ quyền SHTT tính đến thời điểm xét công nhận.

2. Việc đăng ký, xét công nhận và công nhận sáng kiến được thực hiện theo quy trình tại Petrovietnam, với thời hiệu yêu cầu công nhận là 01 năm kể từ ngày áp dụng lần đầu.

### **Điều 20. Quyền lợi và nghĩa vụ của tác giả sáng kiến**

1. Thù lao cho tác giả: Đơn vị áp dụng sáng kiến có nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả/đồng tác giả. Mức thù lao, quy trình chi trả cụ thể do Tổng Giám đốc quy định.

2. Thưởng Sáng kiến cấp Tập đoàn: Ngoài mức thù lao tại Khoản 1 Điều này, tác giả Sáng kiến cấp Tập đoàn sẽ được Tập đoàn xét thưởng với các mức do TGD quyết định. Các sáng kiến cấp Tập đoàn xuất sắc sẽ được đề cử tham gia xét tặng Giải thưởng KHCV&ĐMST của Tập đoàn.

3. Thù lao cho người tham gia áp dụng lần đầu: Những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được hưởng thù lao. Mức thù lao cụ thể do Tổng Giám đốc quy định.

4. Quyền và nghĩa vụ của tác giả:

- a) Tác giả có quyền được ghi tên trong quyết định công nhận, nhận Giấy chứng nhận sáng kiến và nhận thù lao, tiền thưởng theo quy định.
- b) Tác giả có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ thông tin, tham gia triển khai áp dụng và bảo mật thông tin về sáng kiến theo quy định của Tập đoàn và pháp luật.

5. Chi phí, thưởng cho hoạt động sáng kiến, cải tiến được tính vào chi phí theo quy định của pháp luật.

## Chương VI

### QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ CÁC NGUỒN KINH PHÍ ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG KHCN&ĐMST

#### **Điều 21. Nguồn vốn cho hoạt động KHCN&ĐMST**

Hoạt động KHCN&ĐMST của Tập đoàn được tài trợ từ các nguồn vốn bao gồm:

1. Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ (Quỹ Phát triển KHCN): Được trích lập từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Petrovietnam theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng, cho hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
2. Quỹ Nghiên cứu khoa học và Đào tạo: Nguồn quỹ của Petrovietnam dành cho các hoạt động nghiên cứu và đào tạo chuyên sâu, được trích lập theo quy định của “Quy chế tài chính” và “Quy chế quản lý Quỹ Nghiên cứu khoa học và đào tạo” của Tập đoàn.
3. Chi phí chi cho hoạt động KHCN&ĐMST trong Tập đoàn.

#### **Điều 22. Trích lập và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

1. Mức trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ hàng năm tối đa 20% thu nhập tính thuế.
2. Việc xử lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết được thực hiện theo quy định của pháp luật.
3. Việc quản lý, sử dụng Quỹ phát triển KHCN được thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Các khoản chi từ Quỹ phát triển KHCN phải có chứng từ theo quy định. Các khoản chi từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp không được trùng lặp với các khoản chi quy định tại Điều 24 Quy chế này.
4. Đối với các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ phát triển KHCN được thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện, hiến, tặng (nếu có) và tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Không tiếp nhận các đóng góp tự nguyện, hiến, tặng gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hoạt động khác trái quy định pháp luật.
5. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng còn lại, chưa sử dụng hết thì được tiếp tục sử dụng để thực hiện các nội dung chi của Quỹ phát triển KHCN, không bị giới hạn thời hạn sử dụng, không phải nộp ngân sách nhà nước.
6. Hàng năm, Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT tình hình sử dụng Quỹ KHCN, lập kế hoạch dự toán ngân sách chi cho nghiên cứu và phát triển KHCN của năm



kế tiếp, xác định tồn Quỹ, xác định tỷ lệ trích Quỹ phù hợp với Chiến lược, kế hoạch KHCN&ĐMST và quy định pháp luật.

### **Điều 23. Sử dụng Quỹ phát triển KHCN**

Quỹ Phát triển KHCN được sử dụng cho các hoạt động KHCN&ĐMST theo quy định của pháp luật hiện hành, trong đó bao gồm các hoạt động sau đây:

1. Trực tiếp thực hiện, đặt hàng hoặc thuê thực hiện nhiệm vụ KHCN và nhiệm vụ ĐMST, bao gồm:

a) *Chi phí cho công lao động bao gồm:* tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp có tính chất lương cho các nhà nghiên cứu, kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KHCN và nhiệm vụ ĐMST;

b) *Chi phí trực tiếp phục vụ nhiệm vụ KHCN và nhiệm vụ ĐMST bao gồm:* chi phí vật liệu, nhiên liệu và điện năng phục vụ trực tiếp nhiệm vụ KHCN và nhiệm vụ ĐMST; chi phí phát triển và sản xuất thiết bị và khuôn mẫu dùng cho thử nghiệm và thí nghiệm; chi phí mẫu và nguyên mẫu không là tài sản cố định và chi phí cho các giải pháp thử nghiệm chung; phí kiểm tra sản phẩm thử nghiệm; chi phí bảo trì, hiệu chỉnh thiết bị, thử nghiệm và chi phí thuê thiết bị nghiên cứu;

c) *Chi phí khấu hao tài sản phục vụ nhiệm vụ KHCN và nhiệm vụ ĐMST bao gồm:* khấu hao máy móc, thiết bị, phòng thí nghiệm dùng cho nhiệm vụ KHCN và nhiệm vụ ĐMST; chi phí khấu hao tài sản vô hình là bằng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng và vật liệu nhân giống;

d) *Chi phí thử nghiệm và kiểm định bao gồm:* chi phí dịch vụ đo lường, thử nghiệm sản phẩm, hiệu chuẩn thiết bị; chi phí thuê phòng thí nghiệm hoặc cơ sở thử nghiệm ngoài Tập đoàn;

đ) *Chi phí sở hữu trí tuệ bao gồm:* lệ phí đăng ký bảo hộ, duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, bản quyền phần mềm; phí khai thác quyền sở hữu trí tuệ; chi phí thuê chuyên gia, luật sư hoặc dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp viết mô tả sáng chế hoặc thực hiện các dịch vụ đại diện sở hữu trí tuệ liên quan khác;

e) *Chi phí chuyển giao và tiếp nhận công nghệ bao gồm:* chi phí mua công nghệ, phần mềm, bằng độc quyền sử dụng; chi phí chuyển giao công nghệ từ viện nghiên cứu, trường đại học;

g) *Chi phí thuê ngoài thực hiện nhiệm vụ KHCN và nhiệm vụ ĐMST hoặc hợp tác triển khai nhiệm vụ KHCN và nhiệm vụ ĐMST với viện, trường, tổ chức KHCN;*

h) *Chi phí liên quan đến đổi mới quy trình, sản phẩm bao gồm:* chi phí thiết kế mẫu thử, mô hình sản phẩm mới; chi phí thử nghiệm quy trình sản xuất mới; chi phí tư vấn cải tiến mô hình kinh doanh;

i) *Chi phí quản lý và hỗ trợ* hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm cả chi phí quản lý nhiệm vụ KHCN và nhiệm vụ ĐMST;

k) *Chi phí khác gắn trực tiếp và hợp lý* với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được ghi nhận.

2. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu KHCN&ĐMST:

a) *Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật*: Xây dựng các tổ chức nghiên cứu phát triển, trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm; hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu của Tập đoàn và thống kê về hoạt động KHCN&ĐMST; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động KHCN&ĐMST; chi cho công tác vận hành, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động KHCN&ĐMST; hệ thống quản lý chất lượng của Petrovietnam;

b) *Mua quyền sử dụng, quyền sở hữu*: Bí quyết công nghệ; kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; quyền sở hữu trí tuệ; sáng kiến; các tài liệu, kết quả nghiên cứu, sản phẩm có liên quan trong nước và nước ngoài; tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu, quyền sử dụng phần mềm; phí sử dụng dịch vụ phục vụ cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của Petrovietnam;

c) *Mua máy móc, thiết bị, phần mềm, tài liệu kỹ thuật và dịch vụ đi kèm* cho đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của Petrovietnam;

d) *Chi đào tạo, bồi dưỡng về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo* cho Petrovietnam;

đ) *Chi cho hoạt động hợp tác về KHCN&ĐMST* với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài: hoạt động khảo sát, tìm kiếm đối tác, nhu cầu công nghệ trong nước và ngoài nước; chi phí cho các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu chung; chi phí vận hành phòng thí nghiệm chung;

e) *Chi cho nghiên cứu, xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở*; đánh giá, thử nghiệm, giám định, kiểm định, quảng bá, thương mại hóa sản phẩm mới, công nghệ mới; chi tư vấn, đăng ký và duy trì chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm có uy tín trong nước và quốc tế; đăng ký, bảo hộ, khai thác và quản lý quyền sở hữu trí tuệ của Tập đoàn;

g) *Chi cho các hoạt động khảo nghiệm, trình diễn* trên diện rộng đối với giống cây trồng, vật nuôi mới, quy trình canh tác mới.

3. Tổ chức triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu tại nước ngoài, thuê đối tác nước ngoài triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu tại nước ngoài không phải thông qua dự án đầu tư và tuân thủ các quy định bảo vệ bí mật nhà nước và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật về sở hữu trí tuệ;

4. Thực hiện mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào dự án KNST, doanh nghiệp KNST (tối đa 5% thu nhập tính thuế hằng năm của Petrovietnam) với yêu cầu cụ thể như sau:

a) Đối với các dự án KNST, doanh nghiệp KNST hình thành từ nội bộ Tập đoàn, việc lựa chọn và đề xuất đầu tư thực hiện theo Quy chế Khuyến khích khởi nghiệp trong doanh nghiệp của Tập đoàn.

b) Đối với các dự án KNST, doanh nghiệp KNST khác, việc lựa chọn và đề xuất đầu tư thực hiện theo Quy chế quản lý hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (M&A) của Tập đoàn.

c) Việc sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện mua, sáp nhập, đầu tư, cùng đầu tư vào doanh nghiệp KNST phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, quản lý rủi ro tài chính, phòng ngừa xung đột lợi ích;

- Hiệu quả đầu tư được xem xét trên cơ sở đánh giá tổng thể, trong dài hạn, không áp dụng yêu cầu bảo toàn vốn hằng năm và không áp dụng đánh giá theo từng dự án, nhiệm vụ cụ thể;

- Tổng mức đầu tư vào doanh nghiệp KNST không vượt quá ngưỡng rủi ro đã được phê duyệt trong kế hoạch đầu tư của quỹ, được xác định trên cơ sở tổng thể danh mục đầu tư hoặc trong một chu kỳ đầu tư xác định;

- Theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả đầu tư, kịp thời xử lý rủi ro, tồn thất nếu có phát sinh theo quy định nội bộ của Tập đoàn.

5. Thực hiện giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ. Đối với các dự án trọng điểm, dự án phát triển CNCL quốc gia theo quy định của pháp luật về KHCN được áp dụng cơ chế đặc biệt:

a) Thuê hoặc trả lương chuyên gia trong và ngoài nước theo hình thức toàn bộ thời gian, một phần thời gian, cố vấn hoặc chuyên gia thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, chuyên gia đào tạo, chuyên gia chuyển giao công nghệ. Thuê chuyên gia được thực hiện theo hình thức chỉ định, ký hợp đồng trực tiếp. Mức phí thuê chuyên gia được xác định trên nguyên tắc thị trường, thông qua thỏa thuận giữa các bên căn cứ vào tính chất nhiệm vụ, thời gian thuê, trình độ chuyên môn. Việc xác định mức chi cụ thể do TGD quyết định. Hình thức hợp đồng thuê chuyên gia: hợp đồng dịch vụ; hợp đồng nghiên cứu khoán gọn theo giai đoạn; hợp đồng hợp tác nghiên cứu có chia sẻ quyền sở hữu trí tuệ;

b) Mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài để phục vụ phân tích, học hỏi, giải mã công nghệ, phát triển công nghệ chiến lược thông qua hình thức chỉ định nhà cung cấp và áp dụng hình thức đàm phán giá. Việc mua phải phù

hợp với mục tiêu, nội dung và phạm vi nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được phê duyệt. Tự chủ lựa chọn, thương thảo và mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài. Tuân thủ các quy định về xuất nhập khẩu, an ninh quốc gia, sở hữu trí tuệ và an toàn công nghệ;

c) Mua trực tiếp bí quyết công nghệ: Lựa chọn, thương thảo, đàm phán và mua trực tiếp bí quyết công nghệ. Việc mua trực tiếp bí quyết công nghệ phải phù hợp với mục tiêu, nội dung và phạm vi nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được phê duyệt;

d) Triển khai thực hiện nhiệm vụ, dự án hợp tác nghiên cứu với nước ngoài để tiếp cận, làm chủ công nghệ và phải tuân thủ các quy định bảo vệ bí mật nhà nước, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật về sở hữu trí tuệ và các quy định khác có liên quan;

đ) Mua lại doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển; sáp nhập doanh nghiệp để sở hữu bí quyết công nghệ:

- Việc mua lại, sáp nhập theo chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển Tập đoàn, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và định hướng của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Bí quyết công nghệ sở hữu thông qua việc sáp nhập doanh nghiệp, mua lại doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển phải phục vụ trực tiếp việc phát triển công nghệ chiến lược. Việc mua lại, sáp nhập theo quy định tại điểm này phải bảo đảm tính minh bạch, phòng chống xung đột lợi ích, chịu trách nhiệm giải trình toàn diện.

- Việc mua lại, sáp nhập chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: (i) dự án trọng điểm, dự án phát triển công nghệ chiến lược được triển khai trên cơ sở nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ, Bộ chủ quản giao cho Tập đoàn; (ii) có phương án đầu tư rõ ràng, bao gồm phân tích công nghệ, kế hoạch chuyên gia và khai thác hiệu quả bí quyết công nghệ sau khi mua; (iii) có ý kiến thống nhất của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với việc sáp nhập doanh nghiệp, mua lại doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển.

- Việc mua lại tại nước ngoài hoặc mua lại, sáp nhập trong nước được thực hiện thông qua hình thức đàm phán trực tiếp, không bắt buộc đấu thầu hoặc đấu giá.

- Tập đoàn được quyền chỉ định, ký hợp đồng trực tiếp với đơn vị tư vấn, chuyên gia trong và ngoài nước để hỗ trợ quá trình thẩm định, đàm phán.

- Giá trị tài sản, thiết bị hiện có, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển sau khi mua lại, bí quyết công nghệ sau khi sáp nhập được hạch toán và ghi sổ kế toán theo quy định hiện hành.

6. Các chi phí cần thiết khác phục vụ nghiên cứu, tiếp cận, mua bí quyết công nghệ, giải mã công nghệ tiên tiến của nước ngoài.

7. Chi quản lý Quỹ phát triển KH-CN.

## **Điều 24. Chi phí dành cho KHCN&ĐMST**

Các khoản chi cho nghiên cứu KHCN&ĐMST trực tiếp từ chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Petrovietnam được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, trong đó bao gồm:

1. Khoản tài trợ (bằng tiền hoặc hiện vật) cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về KHCN;

2. Chi dành cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong Petrovietnam bao gồm:

a) Chi phí thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ, bao gồm: tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công cho nhân công trực tiếp tham gia thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi phí trực tiếp phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi phí thuê, sử dụng các kết quả nghiên cứu; chi phí bản quyền, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp; chi phí khấu hao, chi phí thuê máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong phòng thí nghiệm; chi phí sản xuất thử nghiệm ở quy mô phòng thí nghiệm chưa sẵn sàng để thương mại hóa; chi phí đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

b) Chi phí thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo, bao gồm: tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp có tính chất lương cho nhân công tham gia thực hiện hoạt động ĐMST; chi phí thuê chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước tham gia hoạt động ĐMST; chi phí sử dụng các dịch vụ ĐMST, không gian số, hỗ trợ trực tuyến; chi phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ, kiểm thử sản phẩm; chi phí tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn ở trong nước và ngoài nước; chi phí tham gia các hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm trong nước và ngoài nước;

c) Chi thuê nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo. Hồ sơ xác định khoản chi thuê nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo bao gồm: Hợp đồng thuê; biên bản bàn giao, nghiệm thu sản phẩm, thanh lý hợp đồng kèm theo các tài liệu, hóa đơn, chứng từ có liên quan.

d) Chi giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ.

3. Việc xác định các khoản chi cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được trừ vào thu nhập chịu thuế trong kỳ của Petrovietnam thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

## Chương VII

# QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KHCN&ĐMST

## Mục 1

### ĐẦU TƯ, MUA SẮM, NHẬN CHUYỂN GIAO TÀI SẢN KHCN&ĐMST

#### **Điều 25. Hoạt động đầu tư, mua sắm, nhận chuyển giao tài sản KHCN &ĐMST**

1. Hoạt động đầu tư, mua sắm và nhận chuyển giao tài sản KHCN&ĐMST tại Petrovietnam nhằm mục tiêu nâng cao năng lực công nghệ làm chủ công nghệ, đẩy mạnh công tác thương mại hóa kết quả nghiên cứu nhằm tạo nguồn doanh thu đột phá, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược và kế hoạch phát triển dài hạn của Petrovietnam.

2. Các hình thức đầu tư, mua sắm cho hoạt động KHCN

a) Đầu tư/mua tài sản cố định:

- Đầu tư, mua, thuê tài sản là máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ, phương tiện vận tải chuyên dùng và các tài sản khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất thử...

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật: phòng thí nghiệm, trung tâm đổi mới sáng tạo, xưởng thực nghiệm...

b) Đầu tư/mua tài sản vô hình và quyền sở hữu trí tuệ:

- Mua, nhận chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp: sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, bí quyết công nghệ, phần mềm...

- Mua sắm hoặc thiết kế, phát triển mới, nâng cấp các phần mềm chuyên dụng, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý KHCN&ĐMST...

c) Đầu tư thông qua nhiệm vụ KHCN&ĐMST:

- Tự thực hiện, cấp kinh phí hoặc góp vốn thực hiện các nhiệm vụ KHCN&ĐMST: Đề tài nghiên cứu, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án đổi mới công nghệ, giải mã công nghệ.

- Hợp tác nghiên cứu chung với các tổ chức KHCN trong và ngoài nước để thực hiện các dự án và nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

d) Đầu tư vào dự án, doanh nghiệp KHCN&ĐMST:

- Mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào dự án KNST, doanh nghiệp KNST.

- Mua lại toàn bộ hoặc một phần dự án đầu tư hoặc doanh nghiệp sở hữu công nghệ nguồn phù hợp định hướng Tập đoàn để sở hữu bí quyết công nghệ.

- Nhận chuyển giao công nghệ, tài sản trí tuệ thông qua hình thức tặng, cho, hỗ trợ từ đối tác hoặc nhận bàn giao điều chuyển nội bộ/từ Nhà nước.

3. Hoạt động đầu tư, mua sắm và nhận chuyển giao tài sản KHCN&ĐMST tại Petrovietnam phải được tổ chức thẩm định công nghệ làm cơ sở để cấp thẩm quyền quyết định. Tổng Giám đốc Petrovietnam quy định tiêu chí và quy trình thẩm định công nghệ.

## **Điều 26. Phương thức triển khai và quản lý hoạt động đầu tư, mua sắm tài sản KHCN&ĐMST**

1. Đối với đầu tư/mua tài sản cố định hữu hình

a) Hình thức triển khai

Thực hiện theo quy định phân cấp đầu tư và giám sát đầu tư của Petrovietnam đối với dự án đầu tư, xây dựng và quy định mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Petrovietnam.

b) Phương thức quản lý

Tài sản sau khi hoàn thành đầu tư, mua sắm phải được hạch toán và ghi sổ kế toán theo quy định hiện hành.

2. Đối với đầu tư/mua tài sản vô hình

a) Hình thức triển khai: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Quy chế này.

b) Phương thức quản lý

- Đối với tài sản mua bí quyết công nghệ, mua để phát triển thương mại hóa: tài sản sau khi hoàn thành đầu tư, mua sắm phải được hạch toán và ghi sổ kế toán theo quy định hiện hành.

- Đối với tài sản mua về để giải mã công nghệ: chi phí thực hiện mua tài sản được hạch toán trực tiếp vào chi phí thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST hoặc chi phí sản xuất kinh doanh. Trường hợp kết quả giải mã đủ điều kiện xác lập quyền sở hữu trí tuệ và đáp ứng tiêu chuẩn hình thành tài sản cố định vô hình, chi phí này được kết chuyển sang nguyên giá TSTT. Tài sản được theo dõi trên nền tảng số quản lý KHCN&ĐMST của Tập đoàn.

3. Đối với đầu tư thông qua nhiệm vụ KHCN&ĐMST

a) Hình thức triển khai

Các hình thức thực hiện nhiệm vụ KHCN quy định tại khoản 1 điểm c Điều 14 và các hình thức thực hiện nhiệm vụ ĐMST quy định tại khoản 1 điểm c Điều 15 quy chế này. Tổng Giám đốc quy định cụ thể về trình tự thực hiện.

b) Phương thức quản lý

- Tài sản hình thành từ kết quả nghiên cứu và phát triển: Kết quả nghiên cứu được theo dõi riêng trên nền tảng số quản lý KHCN&ĐMST của Tập đoàn. Trường hợp kết quả đủ điều kiện xác lập quyền sở hữu trí tuệ và đáp ứng tiêu chuẩn hình thành tài sản cố định vô hình, chi phí thực hiện nhiệm vụ được ghi nhận vào nguyên giá TSTT.

- Đối với tài sản, công cụ được mua sắm từ kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHHCN&ĐMST, sau khi kết thúc nhiệm vụ, được quản lý, theo dõi, sử dụng, thanh lý theo quy định.

4. Đối với đầu tư vào dự án, doanh nghiệp KHHCN&ĐMST

a) Hình thức triển khai

- Mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào dự án KNST, doanh nghiệp KNST thực hiện theo Quy định Khuyến khích khởi nghiệp trong doanh nghiệp.

- Mua lại toàn bộ hoặc một phần doanh nghiệp để sở hữu bí quyết công nghệ thực hiện theo Quy định mua bán, sáp nhập doanh nghiệp của Petrovietnam và Điều 23 khoản 5 Quy định này.

- Mua lại toàn bộ hoặc một phần dự án đầu tư công nghệ nguồn thực hiện theo Quy định phân cấp đầu tư và giám sát đầu tư của Petrovietnam.

b) Phương thức quản lý

Quản lý theo chế độ quản lý vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và quản lý dự án đầu tư của Petrovietnam.

## **Điều 27. Mua TSTT**

1. Petrovietnam chủ động mua trực tiếp TSTT nhằm tiếp cận nhanh công nghệ tiên tiến, rút ngắn thời gian R&D và bổ sung năng lực công nghệ lõi. Hoạt động này thực hiện theo cơ chế ưu tiên của hoạt động KHHCN&ĐMST.

2. Cơ chế lựa chọn nhà cung cấp TSTT

Hoạt động lựa chọn nhà cung cấp TSTT được thực hiện trên cơ sở đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả tối ưu. Các hình thức lựa chọn nhà cung cấp TSTT được áp dụng bao gồm:

a) Áp dụng hình thức chỉ định nhà cung cấp và áp dụng hình thức đàm phán giá đối với mua TSTT có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm, giải mã công nghệ, mua bản quyền SHTT; hoặc mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó do yêu cầu bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà cung cấp khác.

b) Áp dụng hình thức mua sắm trực tiếp đối với TSTT có tính chất đặc thù, độc quyền sở hữu hoặc mua từ các đối tác chiến lược.

c) Áp dụng hình thức đấu thầu đối với TSTT được mua là các sản phẩm đã hoàn thiện, mang tính thương mại phổ biến trên thị trường và không có tính độc quyền cao (ví dụ: các phần mềm máy tính thông dụng, các bộ dữ liệu tiêu chuẩn hoặc các tài liệu kỹ thuật có thể mua từ nhiều nguồn khác nhau).

d) Quy trình triển khai thực hiện lựa chọn nhà cung cấp thực hiện theo quy định nội bộ của Petrovietnam.

## **Điều 28. Hợp tác nghiên cứu và phát triển tài sản KHCN&ĐMST**

1. Mọi hoạt động hợp tác nghiên cứu, thuê bên ngoài nghiên cứu phải được xác lập bằng văn bản dưới hình thức Hợp đồng hoặc Thỏa thuận hợp tác, trong đó quy định rõ mục tiêu, đóng góp của các bên, lộ trình thực hiện, quyền sở hữu trí tuệ và cơ chế chia sẻ lợi ích (nếu có).

2. Quyền sở hữu kết quả và bảo hộ SHTT

a) Trường hợp Petrovietnam đầu tư 100% kinh phí: Petrovietnam là chủ sở hữu duy nhất đối với toàn bộ kết quả nghiên cứu và TSTT hình thành từ nhiệm vụ. Bên hợp tác/được thuê có quyền tác giả và được hưởng thù lao theo thỏa thuận.

b) Trường hợp các bên cùng đóng góp kinh phí và nguồn lực: Quyền sở hữu TSTT được xác lập là đồng sở hữu theo tỷ lệ đóng góp kinh phí thực tế hoặc theo thỏa thuận.

c) Các bên hợp tác phải cam kết bảo mật thông tin và không được sử dụng kết quả nghiên cứu để chuyển giao bên thứ ba khi chưa có sự đồng ý của các bên còn lại bằng văn bản.

3. Chuyển nhượng quyền sở hữu sau hợp tác

Trong trường hợp kết quả nghiên cứu chung có tiềm năng ứng dụng chiến lược hoặc giá trị thương mại cao, Petrovietnam xem xét đàm phán mua lại toàn bộ phần quyền sở hữu TSTT của bên hợp tác để trở thành chủ sở hữu duy nhất.

## **Mục 2**

### **QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC TSTT**

#### **Điều 29. Phân loại TSTT**

1. TSTT từ kết quả tự nghiên cứu và phát triển: Bao gồm các bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, bản quyền phần mềm, các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và kết quả từ việc giải mã công nghệ của chính Tập đoàn .

2. TSTT từ việc mua hoặc nhận chuyển giao: Các quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công nghệ được Petrovietnam tiếp nhận từ đối tác bên ngoài thông qua hợp đồng với các Viện nghiên cứu, Trường đại học và các đối tác khác; thông qua hoạt động mua bán sáp nhập hoặc đầu tư vào các dự án khởi nghiệp.

#### **Điều 30. Quản lý TSTT**

Công tác quản lý TSTT của Petrovietnam bao gồm các nhiệm vụ chính như sau:

1. Xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

a) Thực hiện các thủ tục xác lập quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với các TSTT hình thành từ hoạt động KHCN&ĐMST của Tập đoàn (ngoại trừ các trường hợp giao đơn vị chủ trì thực hiện theo Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST) và TSTT mua, nhận chuyển giao từ bên ngoài.

b) Triển khai đăng ký bảo hộ quyền SHTT trong nước và trên thế giới cho các kết quả sáng tạo có tiềm năng, bao gồm: sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, bản quyền tác giả và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

c) Bảo hộ quyền SHTT bao gồm theo dõi, phát hiện các hành vi xâm phạm và đề xuất, triển khai các biện pháp pháp lý cần thiết để bảo vệ quyền lợi của Tập đoàn;

d) Quản lý, bảo mật và thực hiện các thủ tục duy trì hiệu lực của các văn bằng bảo hộ theo quy định pháp luật.

## 2. Phát triển, nâng cấp và gia tăng giá trị TSTT

a) Xác định định hướng nghiên cứu, chủ động đầu tư nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ KHCN&ĐMST nhằm nâng cấp, cải tiến các tính năng kỹ thuật, công nghệ của TSTT hiện có để đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường.

b) Tích hợp các giải pháp, công nghệ mới vào tài sản sẵn có để tạo ra các tổ hợp tài sản có giá trị lớn hơn.

c) Thực hiện tái cấu trúc hoặc mở rộng phạm vi bảo hộ khi TSTT có những bước cải tiến, nâng cấp đáng kể về mặt nội dung và công nghệ.

## 3. Quản lý cơ sở dữ liệu TSTT

a) Toàn bộ danh mục TSTT (thông tin gốc, hồ sơ pháp lý, tình trạng khai thác, hợp đồng thương mại hóa) phải được cập nhật thường xuyên trên Nền tảng số quản lý KHCN&ĐMST của Tập đoàn để đảm bảo tính đồng bộ dữ liệu đảm bảo khả năng tra cứu, phân tích và khai thác hiệu quả;

b) Thực hiện quản lý tài chính TSTT thông qua việc theo dõi doanh thu, chi phí phát sinh, lợi nhuận thực tế và lịch sử phân chia lợi ích từ việc khai thác TSTT.

c) Định kỳ thực hiện hoặc thuê dịch vụ đánh giá định kỳ giá trị khoa học, tiềm năng kinh tế và khả năng tiếp tục khai thác của từng tài sản để làm căn cứ cho các quyết định quản trị và làm cơ sở cho các hoạt động khai thác TSTT.

## **Điều 31. Khai thác, thương mại hóa TSTT**

1. Petrovietnam có quyền quyết định lựa chọn hình thức, phương án sử dụng và khai thác TSTT bao gồm:

a) Sử dụng trực tiếp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị trong Tập đoàn nhằm nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh;

b) Cấp quyền sử dụng cho các đối tác bên trong và bên ngoài Tập đoàn để thu phí bản quyền;

c) Bán/chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu TSTT;

d) Thành lập các doanh nghiệp KNST để phát triển và kinh doanh các sản phẩm hàng hoá, sản phẩm dịch vụ dựa trên nền tảng TSTT;

đ) Góp vốn vào các doanh nghiệp khác bằng giá trị của TSTT.

2. Nguyên tắc và quy trình khai thác TSTT

a) Mọi hoạt động thương mại hóa TSTT phải đảm bảo tính công khai, minh bạch về thông tin. Ưu tiên tối đa việc phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và chuyển giao trong hệ sinh thái của Tập đoàn để tối ưu hóa nguồn lực nội bộ.

b) Đối với các tài sản hoặc nhóm tài sản có tiềm năng thương mại cao, Đầu mối TSTT phải xây dựng kế hoạch khai thác chi tiết, đánh giá hiệu quả dự kiến để trình Tổng Giám đốc phê duyệt trước khi triển khai.

c) Thực hiện khai thác linh hoạt qua các hình thức: cho thuê, bán, chuyển nhượng hoặc góp vốn liên doanh, liên kết. Trong quá trình đàm phán hợp đồng cấp phép, phải chú trọng các điều khoản bảo mật thông tin và bảo vệ quyền SHTT, chống xâm phạm tài sản của Tập đoàn.

d) Khuyến khích việc nghiên cứu thành lập các doanh nghiệp KNST dựa trên nền tảng TSTT của Tập đoàn nhằm tối ưu hóa giá trị thương mại và mô hình kinh doanh.

### 3. Phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu

a) Mọi hoạt động thương mại hóa TSTT phải được lập hồ sơ theo dõi riêng. Toàn bộ doanh thu, chi phí phát sinh, lợi nhuận thực tế và việc phân chia lợi ích cho các bên liên quan phải được ghi chép, hạch toán kế toán độc lập và đầy đủ theo quy định của pháp luật về kế toán và quản lý tài sản trí tuệ, nhằm bảo đảm tính minh bạch trong việc sử dụng và tái đầu tư nguồn thu.

b) Việc phân chia lợi nhuận được thực hiện theo nguyên tắc hài hòa lợi ích giữa Tập đoàn, đơn vị chủ trì và các cá nhân đóng góp, nhằm tạo động lực khuyến khích mọi thành phần tham gia vào chuỗi giá trị đổi mới sáng tạo.

## **Điều 32. Chuyển giao công nghệ và nhận chuyển giao công nghệ**

### 1. Quy định chung

a) Hoạt động chuyển giao công nghệ tại Petrovietnam bao gồm việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng công nghệ từ các nhiệm vụ KHCN&ĐMST của Petrovietnam ra bên ngoài (chuyển giao) hoặc từ các tổ chức, cá nhân bên ngoài vào Petrovietnam (nhận chuyển giao).

b) Mọi hoạt động CGCN phải tuân thủ Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật liên quan.

c) Hoạt động CGCN phải đảm bảo tính trung thực, minh bạch, công khai; Ưu tiên nhận chuyển giao và làm chủ các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch và các công nghệ thuộc danh mục Công nghệ chiến lược của Petrovietnam.

d) Việc CGCN được thực hiện trên cơ sở hợp đồng bằng văn bản; nội dung chuyển giao có thể được lập thành hợp đồng độc lập hoặc là một phần của hồ sơ dự án đầu tư, góp vốn bằng công nghệ, nhượng quyền thương mại hoặc mua sắm máy móc đi kèm công nghệ.

đ) Giá CGCN do các bên thỏa thuận phù hợp với giá thị trường; việc thẩm định giá được thực hiện đối với một số trường hợp theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng chuyển giao công nghệ
  - a) Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ;
  - b) Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu;
  - c) Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ;
  - d) Máy móc, thiết bị đi kèm các đối tượng nêu trên.
3. Hình thức CGCN
  - a) Chuyển giao công nghệ độc lập;
  - b) Phần CGCN trong các dự án đầu tư, góp vốn bằng công nghệ, nhượng quyền thương mại, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ hoặc mua sắm máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ.
4. Phương thức CGCN
  - a) Chuyển giao tài liệu về công nghệ;
  - b) Đào tạo cho bên nhận nắm vững và làm chủ công nghệ;
  - c) Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật để đưa công nghệ vào ứng dụng, vận hành;
  - d) Chuyển giao máy móc, thiết bị kèm theo công nghệ.
5. Quyền CGCN:
  - a) Với tư cách là chủ sở hữu công nghệ, Petrovietnam (hoặc đơn vị được ủy quyền) quyết định việc chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc cấp quyền sử dụng công nghệ cho các đối tác trong và ngoài Tập đoàn.
  - b) Các tổ chức, cá nhân được Petrovietnam cấp quyền sử dụng công nghệ chỉ được phép chuyển giao lại quyền sử dụng đó cho bên thứ ba khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Tập đoàn hoặc đơn vị chủ sở hữu trực tiếp.
  - c) Tùy thuộc vào chiến lược phát triển và tính chất của từng loại công nghệ, Tập đoàn sẽ thỏa thuận với đối tác về phạm vi chuyển giao (độc quyền hoặc không độc quyền). Việc thỏa thuận này phải đảm bảo tối ưu hóa lợi ích của Petrovietnam và phù hợp với các quy định nội bộ của Tập đoàn cũng như pháp luật hiện hành.

## **Chương VIII**

### **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT, QUẢN LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG KHCN&ĐMST**

#### **Điều 33. Chế độ báo cáo, giám sát hoạt động KHCN&ĐMST**

1. Báo cáo thường xuyên: thực hiện cập nhật thông tin thường xuyên trên Nền tảng số quản lý KHCN&ĐMST của Tập đoàn đảm bảo tính thời gian thực và đồng bộ dữ liệu.
2. Báo cáo định kỳ:
  - a) Định kỳ 6 tháng, Hội đồng KHCN&ĐMST thực hiện báo cáo HĐQT, TGD về kết quả tư vấn trong kỳ và kế hoạch kỳ tiếp theo.

*hanh*

b) Hằng năm, TGD báo cáo HĐTV chi tiết việc trích lập, sử dụng Quỹ KHCN và kế hoạch sử dụng Quỹ năm tiếp theo.

c) Định kỳ 6 tháng, báo cáo HĐTV tổng thể tình hình thực hiện công tác KHCN&ĐMST của Tập đoàn và các đơn vị.

d) Tổng Giám đốc quy định các mẫu biểu báo cáo.

### 3. Kiểm tra, giám sát, hậu kiểm hoạt động KHCN&ĐMST

a) Hằng năm, Đầu mỗi KHCN xây dựng kế hoạch giám sát hoạt động KHCN&ĐMST bao gồm: danh mục các chương trình, nhiệm vụ KHCN&ĐMST trọng điểm... cần giám sát trực tiếp gửi Ban đầu mỗi của Tập đoàn trình Lãnh đạo Tập đoàn phê duyệt theo quy định nội bộ của Tập đoàn.

b) Đầu mỗi KHCN đánh giá định kỳ hàng năm về hiệu quả tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ mức độ đạt được mục tiêu chiến lược, hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư cho KHCN&ĐMST.

c) Kiểm tra, giám sát bất thường đối với các nhiệm vụ:

- Có tiến độ chậm quá 06 tháng so với kế hoạch được phê duyệt mà không có lý do chính đáng; hoặc
- Có sự thay đổi lớn về mục tiêu, quy mô, nội dung nghiên cứu cốt lõi hoặc nhân sự chủ trì ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả đầu ra.
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Lãnh đạo Tập đoàn.

## **Điều 34. Công tác quản lý rủi ro trong hoạt động KHCN&ĐMST**

### 1. Nguyên tắc chung về chấp nhận rủi ro

Petrovietnam thừa nhận và chấp nhận rủi ro trong hoạt động KHCN&ĐMST là những rủi ro có thể xảy ra ngoài ý muốn của tổ chức, cá nhân thực hiện, mặc dù đã thực hiện đầy đủ, đúng quy trình, quy định và các biện pháp phòng ngừa cần thiết trong quá trình triển khai thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST. Việc chấp nhận rủi ro nhằm khuyến khích sự đột phá, thử nghiệm công nghệ mới và bảo vệ nhân sự thực hiện nhiệm vụ.

### 2. Điều kiện miễn trừ trách nhiệm

Các điều kiện được miễn trừ trách nhiệm trong hoạt động KHCN&ĐMST theo quy định của pháp luật hiện hành, trong đó bao gồm các điều kiện sau:

a) Tổ chức, cá nhân phê duyệt và quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo loại trừ trách nhiệm hành chính, miễn trách nhiệm dân sự nếu đã tuân thủ đầy đủ quy định, quy trình về phê duyệt, quản lý nhiệm vụ và không có hành vi vi phạm pháp luật nhưng kết quả của nhiệm vụ không đạt được mục tiêu đề ra;

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST được loại trừ trách nhiệm hành chính, dân sự và hình sự đối với thiệt hại gây ra cho Tập đoàn nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

(i) Đã thực hiện đầy đủ quy trình quản lý, nội dung nghiên cứu và các biện pháp phòng ngừa rủi ro đã được phê duyệt.

(ii) Không có hành vi gian lận, cố ý vi phạm pháp luật hoặc quy định nội bộ của Petrovietnam.

(iii) Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ tài chính và minh bạch trong báo cáo.

(iv) Đã báo cáo kịp thời các dấu hiệu rủi ro phát sinh và thực hiện các biện pháp khắc phục theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

### 3. Xử lý rủi ro về tài chính

Đối với các nhiệm vụ không đạt mục tiêu và đã tuân thủ đúng quy trình, đảm bảo điều kiện miễn trừ trách nhiệm theo quy định:

a) Không thu hồi kinh phí đã sử dụng đúng quy định để thực hiện nhiệm vụ.

b) Hỗ trợ thực hiện các thủ tục khoan nợ, xóa nợ hoặc giãn thời gian hoàn trả (nếu có) theo quy định của pháp luật và quy chế tài chính của Tập đoàn.

c) Việc xử lý rủi ro tài chính phải dựa trên hồ sơ xác minh, ý kiến của hội đồng chuyên gia độc lập trong trường hợp cần thiết.

### 4. Trách nhiệm quản trị rủi ro

a) Cấp quản lý (Tập đoàn/Đơn vị): Xác định rủi ro và đánh giá mức độ rủi ro trước khi phê duyệt nhiệm vụ; bố trí nguồn lực dự phòng cần thiết trong kế hoạch và kinh phí thực hiện.

b) Tổ chức chủ trì/thực hiện nhiệm vụ

- Giai đoạn xây dựng nhiệm vụ: Nhận diện, phân tích rủi ro từ bản chất nghiên cứu và quá trình triển khai; Đánh giá tác động đến con người, tài sản, môi trường và khả năng không đạt mục tiêu, kết quả nhiệm vụ; Đề xuất biện pháp kiểm soát, ứng phó và dự trù nguồn lực cần thiết (kinh phí, nhân lực) trong kế hoạch thực hiện.

- Giai đoạn triển khai nhiệm vụ: Thực hiện đầy đủ các biện pháp quản trị rủi ro đã được phê duyệt; Thiết lập cơ chế giám sát, cảnh báo sớm và xử lý kịp thời các dấu hiệu rủi ro; Bảo đảm an toàn, đạo đức nghiên cứu và kịp thời đề xuất điều chỉnh khi phát sinh rủi ro ngoài dự kiến; Kích hoạt khẩn cấp biện pháp ứng phó khi có rủi ro nghiêm trọng, báo cáo ngay cơ quan quản lý và phối hợp khắc phục; Thực hiện biện pháp phòng ngừa tái diễn; bảo đảm minh bạch và trách nhiệm giải trình về hậu quả rủi ro cũng như tính hiệu quả của các biện pháp đã áp dụng.

### **Điều 35. Công tác hậu kiểm**

1. Quản lý hoạt động KHCN&ĐMST thực hiện nguyên tắc hậu kiểm, tập trung đánh giá kết quả thực hiện, không can thiệp vào phương pháp, quy trình thực hiện, bảo đảm quyền tự chủ và trách nhiệm.

2. Thực hiện hậu kiểm đối với tất cả các nhiệm vụ KHCN&ĐMST đã được nghiệm thu và quyết toán kinh phí từ nguồn vốn của Tập đoàn.

a) Đầu mỗi KHCN chịu trách nhiệm chủ trì, lập kế hoạch và tổ chức hậu kiểm định kỳ hoặc đột xuất trong vòng từ 03 năm sau khi nhiệm vụ kết thúc để đánh giá tính bền vững và/hoặc khả năng ứng dụng thực tế.

b) Hoạt động hậu kiểm có thể do Đầu mỗi KHCN tự thực hiện hoặc thuê đơn vị độc lập.

c) Kết quả hậu kiểm là căn cứ quan trọng để xếp hạng tín nhiệm tổ chức, cá nhân chủ trì khi xét duyệt các nhiệm vụ KHCN&ĐMST trong tương lai.

d) Đối với các nhiệm vụ có kết quả ứng dụng xuất sắc, Đầu mỗi KHCN đề xuất các hình thức khen thưởng hoặc tiếp tục đầu tư giai đoạn thương mại hóa.

đ) Trường hợp phát hiện sai phạm, Tập đoàn sẽ xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định.

3. Tổng Giám đốc quy định quy trình hậu kiểm nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

## **Chương IX**

### **PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHCN&ĐMST VÀ VINH DANH, KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 36. Đầu mỗi KHCN**

Đầu mỗi KHCN chịu trách nhiệm tham mưu, tổng hợp, tổ chức thẩm định, điều phối, giám sát chung, và quản lý các thủ tục hành chính liên quan theo quy định tại Quy chế này và các quy trình do TGD ban hành, trong đó có các nhiệm vụ chính sau:

1. Nhiệm vụ chủ trì

a) Xây dựng, quản lý và vận hành Nền tảng số quản lý KHCN&ĐMST của Tập đoàn; số hóa quy trình và dữ liệu; ứng dụng công nghệ hiện đại và AI vào công tác quản lý, đánh giá, phân tích, tổng hợp và báo cáo.

b) Xây dựng các quy trình nội bộ hướng dẫn thực hiện Quy chế đề trình TGD ban hành.

c) Tổng hợp, đánh giá và trình TGD báo cáo HĐTV xem xét, phê duyệt Chiến lược KHCN&ĐMST, Chương trình KHCN&ĐMST của Tập đoàn.

d) Tổng hợp, đánh giá và trình TGD phê duyệt Kế hoạch KHCN&ĐMST hằng năm sau khi lấy ý kiến của các Ban chuyên môn liên quan.

đ) Hoàn thiện thủ tục trình TGD ký kết Hợp đồng triển khai nhiệm vụ KHCN&ĐMST hoặc ký kết theo ủy quyền của TGD.

e) Lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát tiến độ và thực hiện công tác hậu kiểm đối với các nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

g) Chủ trì đánh giá sơ bộ các Ý tưởng nghiên cứu để xem xét phát triển thành nhiệm vụ KHCN&ĐMST hoặc sáng kiến, chuyển giao áp dụng thử nghiệm.

h) Tổ chức đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ các Chương trình KHCN&ĐMST để kịp thời điều chỉnh mục tiêu hoặc dừng nhiệm vụ nếu không khả thi.

## 2. Nhiệm vụ phối hợp

a) Phối hợp Ban TCKT xây dựng kế hoạch sử dụng quỹ và báo cáo tình hình sử dụng, trích lập Quỹ Phát triển KHCN.

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá định kỳ TSTT của Tập đoàn để xác định giá trị và tiềm năng khai thác.

c) Phối hợp với Đầu mối TSTT thẩm định công nghệ phục vụ việc mua, nhận chuyển giao, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

## **Điều 37. Đầu mối TSTT**

Đầu mối TSTT là đơn vị chủ trì, tham mưu và tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo hộ và khai thác TSTT của Tập đoàn, có các nhiệm vụ chính sau:

### 1. Nhiệm vụ chủ trì

a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác TSTT theo quy định tại Chương VII Quy định này.

b) Đặt hàng về nhu cầu nghiên cứu phát triển các sản phẩm, giải pháp công nghệ có tiềm năng tạo lập TSTT và đáp ứng yêu cầu ứng dụng thực tiễn của Tập đoàn, có khả năng thương mại hóa;

c) Chủ trì việc thực hiện hoặc thuê dịch vụ định giá TSTT khi có nhu cầu mua/nhận chuyển nhượng, khai thác, chuyển nhượng, góp vốn.

d) Chủ trì hoạt động mua và nhận chuyển giao TSTT từ bên ngoài (tìm kiếm, đánh giá và đàm phán mua, nhận chuyển giao TSTT);

đ) Tổ chức thực hiện thẩm định công nghệ đối với việc mua, nhận chuyển giao công nghệ từ các đối tác bên ngoài vào Tập đoàn.

e) Tổ chức thực hiện thẩm định công nghệ đối với các công nghệ và nhiệm vụ phục vụ việc chuyển giao ra bên ngoài và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

g) Chủ trì xây dựng phương án phân chia lợi ích từ hoạt động khai thác TSTT.

h) Kiểm soát các hoạt động khai thác TSTT và thực hiện phân chia lợi ích để đảm bảo tuân thủ đúng quy chế tài chính và quy định pháp luật.

### 2. Nhiệm vụ phối hợp

a) Phối hợp chặt chẽ với Đầu mối KHCN để nhận diện các kết quả sáng tạo có tiềm năng bảo hộ ngay từ giai đoạn triển khai nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

b) Phối hợp thẩm định về kỹ thuật, tài chính, pháp lý cho các hoạt động mua và nhận chuyển giao TSTT, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Tập đoàn.

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc đề xuất và triển khai thành lập các doanh nghiệp KNST dựa trên nền tảng TSTT của Tập đoàn.

### **Điều 38. Ban Tài chính Kế toán**

1. Nhiệm vụ đầu mối

a) Quản lý Quỹ Phát triển KHCN

- Lập kế hoạch trích lập Quỹ phát triển KHCN hằng năm của Tập đoàn.

- Thực hiện báo cáo tình hình trích lập, sử dụng Quỹ và trình HĐQT phê duyệt Phương án trích Quỹ hằng năm (bao gồm tỷ lệ trích thực tế và xử lý số dư chi không hết của năm trước).

- Tổ chức thực hiện trích lập, theo dõi việc sử dụng Quỹ và tuân thủ các chế độ báo cáo tài chính theo quy định dựa trên kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt.

- Báo cáo tình hình trích lập và sử dụng Quỹ đến các cơ quan chức năng theo quy định.

b) Tổ chức ghi chép, hạch toán và theo dõi danh mục TSTT theo quy định quản lý của Tập đoàn.

2. Nhiệm vụ phối hợp

a) Tham gia ý kiến các khía cạnh tài chính của hồ sơ đề xuất nhiệm vụ, chương trình KHCN.

b) Phối hợp Đầu mối TSTT và các tổ chức tư vấn độc lập trong quá trình thẩm định giá TSTT để thực hiện mua/nhận chuyển nhượng/thương mại hóa hoặc góp vốn.

c) Phối hợp Đầu mối TSTT xây dựng phương án phân chia lợi ích từ hoạt động khai thác TSTT.

d) Phối hợp Đầu mối TSTT kiểm soát các hoạt động khai thác TSTT và thực hiện phân chia lợi ích để đảm bảo tuân thủ đúng quy chế tài chính và quy định pháp luật.

### **Điều 39. Các Ban/Văn phòng Petrovietnam**

1. Nhiệm vụ chủ trì

a) Chủ trì xây dựng yêu cầu kỹ thuật, tham gia đàm phán nội dung đầu bài cho các nhiệm vụ KHCN&ĐMST do Ban/Văn phòng đặt hàng hoặc theo chỉ đạo của Lãnh đạo Tập đoàn.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn sản xuất, chủ trì xây dựng đề xuất Chương trình KHCN&ĐMST phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn và gửi Đầu mối KHCN tổng hợp.

c) Thẩm định về mặt pháp lý và tính tuân thủ của các dự thảo hợp đồng, thỏa thuận liên quan đến nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách (bao gồm hợp đồng triển khai, mua sắm thiết bị, thuê chuyên gia, nhận chuyển giao TSTT) trước khi trình ký.

d) Tiếp nhận, triển khai ứng dụng và trực tiếp khai thác sử dụng các kết quả nghiên cứu/sản phẩm đã đặt hàng vào thực tế sản xuất kinh doanh; quản lý, theo dõi và định kỳ đánh giá hiệu quả sử dụng, mức độ đóng góp của các kết quả KHCN&ĐMST đã đưa vào thực tế sản xuất.

đ) Thẩm định pháp lý hồ sơ đề xuất áp dụng các cơ chế lựa chọn đặc thù (chỉ định thầu, đàm phán giá trực tiếp) trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

## 2. Nhiệm vụ phối hợp

a) Phối hợp với Đầu mối KHCN thẩm định nội dung chuyên môn của Thuyết minh nhiệm vụ và tham gia Hội đồng nhiệm vụ để đánh giá tính tiên tiến, hiện đại của công nghệ (đầu vào).

b) Phối hợp với Đầu mối TSTT thực hiện thẩm định công nghệ và cung cấp ý kiến chuyên môn phục vụ việc định giá, chuyển giao hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu ra bên ngoài (đầu ra).

c) Phối hợp với Đầu mối TSTT để nhận diện, phân loại các kết quả có tiềm năng bảo hộ ngay từ giai đoạn triển khai nhiệm vụ.

d) Tham gia đàm phán hợp đồng triển khai nhiệm vụ.

đ) Phối hợp kiểm soát nội dung thực hiện và chất lượng sản phẩm đầu ra của nhiệm vụ theo các tiêu chí kỹ thuật đã đặt hàng.

## **Điều 40. Cá nhân, tổ chức sử dụng kinh phí**

Cá nhân, tổ chức được giao chủ trì nhiệm vụ KHCN&ĐMST có trách nhiệm quản lý và triển khai nhiệm vụ đảm bảo hiệu quả, đúng quy định, cụ thể:

1. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, phạm vi dự toán đã được phê duyệt. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra sai phạm trong quản lý, sử dụng kinh phí hoặc có hành vi gian lận trong quá trình triển khai.

2. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng, quy định pháp luật về quản lý KHCN và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Cung cấp thông tin và báo cáo định kỳ đầy đủ, chính xác theo quy định của Tập đoàn.

4. Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm đăng ký quyền SHTT đối với các kết quả nghiên cứu theo quy định;

5. Công bố, đăng ký bảo hộ và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

6. Chủ động đề xuất nhu cầu và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu thuyết minh kỹ thuật phục vụ việc thẩm định công nghệ (mua/bán) hoặc thẩm định giá TSTT.

7. Quản trị rủi ro theo quy định tại Điều 34 quy định này.

8. Thực hiện trách nhiệm giải trình trước Petrovietnam hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.

9. Giải trình các thông số kỹ thuật, bí quyết công nghệ trước Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị tư vấn độc lập.

10. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sai phạm trong quản lý, sử dụng kinh phí hoặc gian lận trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

#### **Điều 41. Trách nhiệm của Người đại diện của Tập đoàn tại các đơn vị**

1. Xây dựng chiến lược và danh mục công nghệ chiến lược của đơn vị gắn liền với lộ trình triển khai cụ thể, đảm bảo sự đồng bộ và thống nhất với chủ trương, mục tiêu chung của Tập đoàn.

2. Chủ động nguồn lực để triển khai nghiên cứu, phát triển và ứng dụng thực tiễn các sản phẩm CNCL theo nhiệm vụ được Tập đoàn giao, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng.

3. Ưu tiên đầu tư, kiện toàn năng lực KHCN&ĐMST thông qua việc phát triển đội ngũ chuyên gia và bảo đảm nguồn kinh phí dài hạn, đồng thời hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật phục vụ các hoạt động nghiên cứu đặc thù.

4. Thực hiện báo cáo định kỳ về công tác KHCN, ĐMST gửi về Tập đoàn trước ngày 10/6 và 10/12 hàng năm, hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu để phục vụ công tác điều hành, quản trị.

#### **Điều 42. Vinh danh, khen thưởng và khuyến khích đổi mới sáng tạo**

1. Nguyên tắc chung:

Tập đoàn thực hiện vinh danh, khen thưởng kịp thời đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có giải pháp sáng kiến, kết quả nghiên cứu khoa học hoặc đóng góp quan trọng vào hoạt động KHCN&ĐMST của Tập đoàn. Công tác khen thưởng được thực hiện dựa trên các nguyên tắc:

- a) Đảm bảo tính công bằng, minh bạch, khách quan và kịp thời;
- b) Đánh giá dựa trên giá trị thực tế, tính mới, tính sáng tạo và tiềm năng đóng góp cho chiến lược phát triển của Tập đoàn.
- c) Khuyến khích mọi cấp độ sáng tạo, từ ý tưởng sơ khai đến các công trình nghiên cứu hoàn thiện đã được ứng dụng hiệu quả.

2. Đối tượng và điều kiện tham dự Giải thưởng

a) Đối tượng tham dự là cá nhân, tổ chức trong và ngoài Tập đoàn có sản phẩm sáng tạo (công trình KHCN, ĐMST, sáng kiến, ý tưởng) được ghi nhận hoặc ứng dụng trong phạm vi Tập đoàn.

b) Điều kiện tham dự

- Hồ sơ hợp lệ, không có tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ.
- Sản phẩm sử dụng vốn Nhà nước/Tập đoàn phải được đăng ký và lưu giữ kết quả theo quy định.

- c) Tiêu chuẩn xét tặng
- Công trình KHCN&ĐMST: đã nghiệm thu và ứng dụng hiệu quả ít nhất 01 năm; có giá trị khoa học đột phá hoặc mang lại lợi ích thực tiễn, doanh thu lớn cho Tập đoàn.
  - Sáng kiến: đã được công nhận cấp Tập đoàn; có khả năng nhân rộng trong toàn hệ thống.
  - Ý tưởng sáng tạo: có tính mới, sáng tạo cao; có tính khả thi và tiềm năng mang lại hiệu quả lớn về kinh tế, kỹ thuật hoặc an toàn.
3. Các hình thức vinh danh và khen thưởng:
- a) Ghi nhận Ý tưởng sáng tạo: Là hình thức tôn vinh dành cho các đề xuất mới, mang tính đột phá và có tính khả thi cao nhằm khuyến khích cán bộ nhân viên chủ động nhận diện cơ hội cải tiến, giải quyết các bất cập trong mọi lĩnh vực hoạt động của Tập đoàn.
- b) Công nhận và chi trả thù lao cho Sáng kiến: Là hình thức ghi nhận các giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý đã được áp dụng vào thực tế, chứng minh được hiệu quả cụ thể và mang lại lợi ích thiết thực về kinh tế - xã hội, an toàn hoặc nâng cao năng lực quản trị cho Tập đoàn.
- c) Xét tặng Giải thưởng KHCN&ĐMST Tập đoàn: Là hình thức vinh danh cao quý nhất dành cho các công trình, dự án và sáng kiến tiêu biểu xuất sắc, có sức lan tỏa rộng rãi. Giải thưởng được phân cấp dựa trên thang điểm đánh giá về trình độ công nghệ, giá trị đóng góp đặc biệt quan trọng vào việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược của Tập đoàn.
4. Các công trình KHCN&ĐMST đạt Giải thưởng sẽ được ưu tiên xem xét đề nghị xét tặng các giải thưởng cấp cao hơn của Nhà nước về KHCN&ĐMST.
5. Giải thưởng được xét tặng định kỳ hàng năm vào dịp kỷ niệm Ngày Truyền thống ngành Dầu khí Việt Nam (27/11).
6. Kinh phí trao giải được chi từ chi phí hoạt động của Tập đoàn và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.
7. Tổng Giám đốc quyết định khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo chuyên đề cho các cá nhân, tập thể có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

## Chương X

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### **Điều 43. Tổ chức thực hiện**

1. Quy chế này bao gồm 10 Chương, 43 Điều và có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành và thay thế cho các quy chế:



- a) “Quy chế Quản lý hoạt động sáng kiến, sáng chế của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 6389/QĐ-DKVN ngày 14/08/2012;
- b) “Quy chế Xét tặng Giải thưởng Khoa học và Công nghệ Dầu khí Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 6164/QĐ-DKVN ngày 29/10/2019;
- c) “Quy chế trích lập và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 816/QĐ-DKVN ngày 21/02/2020;
- d) “Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng Khoa học Công nghệ của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 1736/QĐ-DKVN ngày 07/04/2021;
- đ) “Quy chế đề xuất, xác định nhiệm vụ, tổ chức thực hiện và đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 2281/QĐ-DKVN ngày 27/03/2025.

2. Các Hợp đồng KHCN đã ký trước khi Quy chế này có hiệu lực sẽ tiếp tục thực hiện theo quy định trong Hợp đồng, không điều chỉnh lại kinh phí. Các nội dung liên quan đến thủ tục triển khai các bước còn lại (kiểm tra, nghiệm thu, thanh quyết toán, ...) thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

3. Thủ trưởng đơn vị nghiên cứu khoa học, đào tạo, HĐTV các doanh nghiệp do Petrovietnam nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm căn cứ các quy định tại Quy chế này ban hành các quy định nội bộ của doanh nghiệp để tổ chức quản lý quản lý hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp. Căn cứ các quy định tại Quy chế này, Người đại diện phần vốn của Petrovietnam tại các doanh nghiệp do Petrovietnam nắm quyền chi phối là công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên có trách nhiệm ý kiến, đề xuất cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp việc xây dựng và ban hành quy định nội bộ của đơn vị về quản lý hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh hoặc những vấn đề chưa quy định trong Quy chế này, TGD báo cáo, đề xuất HĐTV xem xét quyết định./.

-----

*hanh*